

Số: /BC-TANDTC  
(Dự thảo)

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết thực tiễn thi hành**  
**Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014**

Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2014, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/6/2015. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 là một những văn bản pháp lý chủ đạo thể chế hóa các quan điểm của Đảng về công tác Tòa án, cụ thể hóa các quy định của Hiến pháp năm 2014 về Tòa án nhân dân. Sau 08 năm thi hành, các quy định của Luật đã góp phần cho sự phát triển của nền tư pháp nước nhà. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 cho thấy đang bộc lộ những hạn chế, bất cập, đặc biệt là những vấn đề về mô hình tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân, cơ cấu tổ chức bộ máy của Tòa án từng cấp; về thẩm quyền của Tòa án, các quy định về Thẩm phán, Hội thẩm, về chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án và về các điều kiện bảo đảm hoạt động của Tòa án, đặc biệt là trong bối cảnh cải cách tư pháp hiện nay.

Để có cơ sở cho việc đề xuất sửa đổi, bổ sung, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức tổng kết thực tiễn thi hành, rà soát, đánh giá, xây dựng Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Kết quả cụ thể như sau:

**I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT TỔ CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2014**

Thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Nghị quyết số 81/2014/QH13 ngày 24/11/2014 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Tòa án nhân dân tối cao đã triển khai một số công tác như sau:

**1.1. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phổ biến, quán triệt Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014**

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/2014/CT-CA ngày 31/12/2014 về việc triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; tổ chức quán triệt tới toàn thể cán bộ công chức, người lao động trong hệ thống Tòa án về nội dung của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Nghị quyết số 81/2014/QH13 về việc thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân; chỉ đạo các cơ quan báo chí trực thuộc chú trọng tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong các Tòa án về Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trên cơ sở Chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự Trung ương đã ban hành Kế hoạch số 07/KH-TA ngày 14/01/2015 triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 trong toàn hệ thống Tòa án Quân sự; Tòa án nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản triển khai thi hành Luật tại Tòa án hai cấp ở địa phương, bảo đảm công chức, viên chức, người lao động tại Tòa án các cấp được quán triệt đầy đủ nội dung của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc triển khai thi hành Luật.

## **1.2. Về công tác xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014**

Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương soạn thảo, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành các Nghị quyết về việc phê chuẩn bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao; thành lập 03 Tòa án nhân dân cấp cao; thành lập Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia; giao, bổ sung Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp cho Tòa án các cấp; điều chỉnh, bổ sung Thẩm phán sơ cấp cho Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; bổ sung chế độ chính sách, phụ cấp đối với một số chức danh, chức vụ trong Tòa án nhân dân theo quy định mới của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; quy định về trang phục và giấy chứng minh của Thẩm phán, Hội thẩm; quy định về tổ chức và biên chế của Tòa án quân sự theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; về Quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án quân sự về tổ chức; về Quy chế tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm (Phụ lục 01).

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành các văn bản quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao; quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Tòa án; thành lập và quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của các Tòa án quân sự, các Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện; quy định về việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện; quyết định thành lập Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp; ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp; Quy chế thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp; Quy chế cấp phát, sử dụng và quản lý trang phục, Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm, Giấy chứng nhận chức danh tư pháp, Giấy chứng nhận Tòa án nhân dân; Quy chế chi tiêu trong hoạt động tuyển chọn, giám sát Thẩm phán; ban hành Quy định về trình tự, thủ tục và mẫu hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, cách chức Thẩm phán; Quy định tiêu chuẩn chuyên môn nghiệp vụ, điều kiện và thủ tục, hồ sơ thi nâng ngạch Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án (Phụ lục 01).

Công tác tổ chức triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã thể hiện được sự chủ động, tập trung của Ban Cán sự đảng, lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, sự quan tâm phối hợp chặt chẽ của các cơ quan, tổ chức hữu quan trong việc chỉ đạo và hướng dẫn thi hành, bảo đảm thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

### **1.3. Về việc kiện toàn tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân**

Trước khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 ra đời, hệ thống tổ chức Tòa án ở nước ta được tổ chức theo đơn vị hành chính theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao; các Tòa án nhân dân cấp tỉnh; các Tòa án nhân dân cấp huyện. Tính đến 30/6/2013, cả nước có 764 Tòa án nhân dân, bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao, 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 700 Tòa án nhân dân cấp huyện (riêng huyện đảo Hoàng Sa và Trường Sa chưa có Tòa án). Nếu xét theo thẩm quyền xét xử, hệ thống Tòa án nhân dân có thể phân chia thành 763 Tòa án cấp sơ thẩm (bao gồm 700 Tòa án cấp huyện và 63 Tòa án cấp tỉnh), 66 Tòa án phúc thẩm (bao gồm 63 Tòa án cấp tỉnh và 03 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao) và 69 cơ quan xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm (bao gồm 63 Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh, 05 Tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)<sup>1</sup>.

Sau khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 có hiệu lực, hệ thống Tòa án nhân dân được tổ chức theo 04 cấp, bao gồm: Tòa án nhân dân tối cao; các Tòa án nhân dân cấp cao; các Tòa án nhân dân cấp tỉnh và các Tòa án nhân dân cấp huyện. Tính đến thời điểm trước tháng 01/2019 thì hệ thống Tòa án nhân dân có Tòa án nhân dân tối cao, 03 Tòa án nhân dân cấp cao, 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 710 Tòa án nhân dân cấp huyện. Tuy nhiên, triển khai thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã<sup>2</sup> số Tòa án nhân dân cấp huyện trong hệ thống giảm 08 Tòa án, còn 702 Tòa án nhân dân cấp huyện. Như vậy, hiện nay, nếu xét theo thẩm quyền xét xử, hệ thống Tòa án nhân dân có thể phân chia thành 765 Tòa án cấp sơ thẩm (bao gồm 702 Tòa án cấp huyện và 63 Tòa án tỉnh), 66 Tòa án cấp phúc thẩm (bao gồm 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 03 Tòa án nhân dân cấp cao), 04 cơ quan xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm (bao gồm 03 Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao và Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Cơ cấu tổ chức của mỗi Tòa án đã và đang tiếp tục kiện toàn theo đúng quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và các Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể như sau:

#### ***1.3.1. Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Tòa án nhân dân tối cao***

---

<sup>1</sup> Báo cáo số 78/BC-TA ngày 19/12/2013 Tổng kết thi hành Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân năm 2002, Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự năm 2002.

<sup>2</sup> 05 địa phương gồm thành phố Hồ Chí Minh, Cao Bằng, Quảng Ninh, Hòa Bình, Quảng Ngãi đã thực hiện sát nhập 08 đơn vị hành chính cấp huyện.

- Về Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: Tòa án nhân dân tối cao đã chuẩn bị nhân sự, trình Quốc hội khóa XIII tại kỳ họp thứ 9 biểu quyết phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, trình Chủ tịch nước bổ nhiệm 15 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Trong 07 năm qua, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục được bổ sung, kiện toàn để thay thế vị trí của 01 đồng chí được Bộ Chính trị điều động, phân công làm Bí thư Tỉnh ủy An Giang và các Thẩm phán khác nghỉ hưu theo quy định. Hiện nay, thành viên Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có 16 người (bao gồm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao).

- Về bộ máy giúp việc: Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 thì bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao có 17 đơn vị<sup>3</sup>, nhưng với tinh thần đổi mới của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Bộ máy giúp việc được tổ chức theo hướng tinh gọn, phân định rõ các chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị nhằm bảo đảm giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tối cao. Theo đó, bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao còn 15 đơn vị (12 đơn vị chuyên môn, 03 đơn vị sự nghiệp)<sup>4</sup>, được thành lập trên cơ sở kế thừa 09 đơn vị giúp việc cũ của Tòa án nhân dân tối cao<sup>5</sup>; thành lập 03 Vụ Giám đốc kiểm tra<sup>6</sup> để giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thực hiện tốt nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của các Tòa án khác và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các bản án, quyết định của các Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng.

- Về cơ sở đào tạo, bồi dưỡng: Thi hành quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, Tòa án nhân dân tối cao đã nghiên cứu, xây dựng Đề án về Học viện Tòa án. Ngày 30/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 1191/QĐ-TTg thành lập Học viện Tòa án trên cơ sở kế thừa và phát triển chức năng, nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Trường Cán bộ Tòa án (trước đây). Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện. Đến nay, Học viện Tòa án được thành lập 13 khoa, phòng<sup>7</sup>. Đến nay, tổ chức và

---

<sup>3</sup> Gồm 5 Tòa chuyên trách, Tòa phúc thẩm (Toà phúc thẩm tại Hà Nội, Toà phúc thẩm tại Đà Nẵng và Toà phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh) và 11 đơn vị khác là: Văn phòng, Vụ Thống kê- Tổng hợp, Ban Thư ký, Ban Thanh tra, Vụ Tổ chức - Cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Thi đua - Khen thưởng, Vụ Hợp tác quốc tế, Viện khoa học xét xử, Báo công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân và Trường cán bộ Toà án.

<sup>4</sup> Văn phòng; Vụ Tổ chức - Cán bộ; Vụ Hợp tác quốc tế; Vụ Thi đua - Khen thưởng; Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học; Vụ Tổng hợp; Vụ Giám đốc kiểm tra I, Vụ Giám đốc kiểm tra II, Vụ Giám đốc kiểm tra III; Vụ Công tác phía Nam; Ban Thanh tra; Cục Kế hoạch - Tài chính; Báo Công lý; Tạp chí Tòa án nhân dân và Học viện Tòa án.

<sup>5</sup> Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học được thành lập trên cơ sở Viện khoa học xét xử; Vụ Tổng hợp được thành lập trên cơ sở Vụ Thống kê - Tổng hợp; Cục Kế hoạch - Tài chính được thành lập trên cơ sở Vụ Kế hoạch - Tài chính; Học viện Tòa án được thành lập trên cơ sở Trường Cán bộ Tòa án trước đây.

<sup>6</sup> Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự, hành chính (Vụ Giám đốc kiểm tra I); Vụ Giám đốc, kiểm tra về dân sự, kinh doanh - thương mại (Vụ Giám đốc kiểm tra II); Vụ Giám đốc, kiểm tra về lao động, gia đình và người chưa thành niên (Vụ Giám đốc kiểm tra III).

<sup>7</sup> Bao gồm: Khoa Đào tạo đại học; Khoa Đào tạo sau đại học (là những nhiệm vụ mới của Học viện Tòa án); Khoa Đào tạo Thẩm phán; Khoa Đào tạo Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án; Phòng Đào tạo và khảo thí; Phòng Quản lý Học viên; Phòng Tổ chức - Cán bộ; Phòng Kế hoạch - Tài chính; Phòng Nghiên cứu khoa học Tòa án;

hoạt động của Học viện đã cơ bản được kiện toàn và đi vào hoạt động có hiệu quả; đã tổ chức thành công các kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán; thi nâng ngạch Thẩm tra viên chính, Thư ký viên chính, đã đào tạo 05 khóa đại học, bổ sung chức năng đào tạo sau đại học. Sinh viên Khóa 1, Khóa 2 của Học viện Tòa án tốt nghiệp cử nhân luật đã tham gia thi tuyển dụng vào làm việc tại các Tòa án nhân dân.

### ***1.3.2. Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Tòa án nhân dân cấp cao***

Thực hiện Nghị quyết số 957/NQ-UBTVQH13 ngày 28/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập 03 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, nhân sự, tổ chức bộ máy của các Tòa án nhân dân cấp cao đã được kiện toàn như sau:

- Về nhân sự: Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã trình Chủ tịch nước chuyển đổi 66 Thẩm phán cao cấp (trong số 120 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002) để phân bổ cho các Tòa án nhân dân cấp cao; xem xét, thông qua phương án sắp xếp, bố trí cán bộ cho các Tòa án nhân dân cấp cao trên cơ sở điều chuyển số cán bộ, công chức đã được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân bổ cho các Tòa phúc thẩm, các Tòa chuyên trách và các đơn vị khác của Tòa án nhân dân tối cao trước đây (trừ số biên chế đã được phân bổ bố trí cho đơn vị mới của Tòa án nhân dân tối cao). Trong quá trình hoạt động, số Thẩm phán cao cấp của các Tòa án nhân dân cấp cao đã được bổ sung đáp ứng yêu cầu xét xử, giải quyết các vụ, việc của từng Tòa án nhân dân cấp cao.<sup>8</sup>

- Về cơ cấu tổ chức bộ máy: các Tòa chuyên trách, bộ máy giúp việc của các Tòa án nhân dân cấp cao được thành lập trên cơ sở bảo đảm phù hợp với khối lượng công việc và đặc thù của từng Tòa án nhân dân cấp cao. Theo đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh thành lập 06 Tòa chuyên trách<sup>9</sup> và 04 đơn vị giúp việc<sup>10</sup>; Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thành lập 05 Tòa chuyên trách<sup>11</sup> và 03 đơn vị giúp việc<sup>12</sup>.

Sau 07 năm đi vào hoạt động, bộ máy, cơ cấu tổ chức của các Tòa án nhân dân cấp cao cơ bản được kiện toàn, hoạt động ổn định, thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn theo thẩm quyền của mình.

---

Phòng Tư liệu và Thư viện; Văn phòng Học viện; Trung tâm Bồi dưỡng cán bộ; Phân viện tại Thành phố Hồ Chí Minh

<sup>8</sup> Hiện nay, 03 Tòa án nhân dân cấp cao có tổng số 324 biên chế, gồm: 101 Thẩm phán cao cấp; 22 Thẩm tra viên chính; 04 Thư ký viên chính; 77 Thẩm tra viên; 94 Thư ký viên và 26 công chức khác. Cùng với việc bố trí đủ nhân sự cho các Tòa án nhân dân cấp cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành quyết định bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo tại các Tòa án nhân dân cấp cao; quyết định về việc cử thành viên Ủy ban Thẩm phán của các Tòa án nhân dân cấp cao.

<sup>9</sup> Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên.

<sup>10</sup> Văn phòng; Phòng Giám đốc, kiểm tra về hình sự, hành chính; Phòng Giám đốc, kiểm tra về dân sự, kinh doanh - thương mại; Phòng Giám đốc, kiểm tra về lao động, gia đình và người chưa thành niên.

<sup>11</sup> Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động.

<sup>12</sup> Văn phòng; Phòng Giám đốc, kiểm tra về hình sự, hành chính, gia đình và người chưa thành niên; Phòng Giám đốc, kiểm tra về dân sự, lao động, kinh doanh - thương mại.

### ***1.3.3. Kiện toàn tổ chức, bộ máy của Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện***

- Về tổ chức các Tòa chuyên trách: Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh có các Tòa chuyên trách là Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Hành chính, Tòa Kinh tế, Tòa Lao động, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên; Tòa án nhân dân cấp huyện có thể có Tòa Hình sự, Tòa Dân sự, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, Tòa Xử lý hành chính. Căn cứ quy định này, ngày 21/01/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư số 01/2016/TT-CA quy định về việc tổ chức các Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện<sup>13</sup>. Như vậy, một trong những điểm mới quan trọng của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 là việc tổ chức các tòa chuyên trách tại các Tòa án nhân dân cấp huyện và quy định hai loại tòa chuyên trách mới là Tòa gia đình và người chưa thành niên và Tòa xử lý hành chính. Hiện nay, có 38/63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã thành lập Tòa Gia đình và người chưa thành niên, các đơn vị còn lại chưa thành lập do không đủ biên chế và số lượng Thẩm phán trung cấp.

Căn cứ vào nhu cầu, điều kiện thực tế, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành các quyết định về việc tổ chức Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện và chỉ đạo sắp xếp đội ngũ cán bộ, Thẩm phán tại các Tòa chuyên trách phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ. Hiện nay, 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh có 247 Tòa chuyên trách (giảm 34 Tòa chuyên trách so với trước đây); 69/702 Tòa án nhân dân cấp huyện có 02 Tòa chuyên trách (gồm Tòa Hình sự và Tòa Dân sự); 01/702 Tòa án nhân dân cấp huyện<sup>14</sup> có 05 Tòa chuyên trách (gồm Tòa Hình sự; Tòa Dân sự; Tòa Gia đình & Người chưa thành niên; Tòa Xử lý hành chính và Tòa Kinh tế).

- Về bộ máy giúp việc: Ngày 07/4/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định số 345/2016/QĐ-CA về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện<sup>15</sup>. Đến nay, bộ máy giúp việc của các Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện cơ bản đã được kiện toàn đầy đủ và đi vào hoạt động hiệu quả<sup>16</sup>.

---

<sup>13</sup> Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 thì không quy định Tòa chuyên trách tại Tòa án nhân dân cấp huyện, còn Tòa chuyên trách tại cấp tỉnh có thể có Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa hành chính.

<sup>14</sup> TAND Tp. Thủ Đức-TP. HCM

<sup>15</sup> Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh gồm có Ủy ban Thẩm phán, Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa kinh tế, Tòa lao động, Tòa hành chính, bộ máy giúp việc (hiện tại có 3 đơn vị, bao gồm Văn phòng, Phòng giám đốc - kiểm tra và Phòng Tổ chức - Cán bộ), Bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân cấp huyện là Văn phòng.

<sup>16</sup> - Tòa án nhân dân cấp tỉnh có Ủy ban Thẩm phán (kiêm nhiệm), các Tòa chuyên trách và bộ máy giúp việc, trong đó, 04 Tòa án nhân dân cấp tỉnh có 06 Tòa chuyên trách; 12 Tòa án nhân dân cấp tỉnh có 05 Tòa chuyên trách; 22 Tòa án nhân dân cấp tỉnh có 04 Tòa chuyên trách; 25 Tòa án nhân dân cấp tỉnh có 03 Tòa chuyên trách.

- Tòa án nhân dân cấp huyện: 69/702 Tòa án nhân dân cấp huyện có 141 Tòa chuyên trách (mỗi đơn vị có 2 Tòa chuyên trách<sup>16</sup>) và Văn phòng; 01 đơn vị (TAND Tp. Thủ Đức-TP. HCM) có 5 tòa chuyên trách (Hình sự; Dân sự; Gia đình & người chưa thành niên; Xử lý hành chính; Kinh tế) và Văn phòng.

### ***1.3.4. Kiện toàn tổ chức, bộ máy của các Tòa án quân sự***

Ngay sau khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 có hiệu lực thi hành, để bảo đảm hoạt động của các Tòa án quân sự theo quy định của Luật, sau khi thống nhất với Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội phê chuẩn, Chủ tịch nước bổ nhiệm Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương; trình Chủ tịch nước chuyển đổi 12 Thẩm phán cao cấp (là các Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 đang làm việc tại Tòa án quân sự Trung ương trước đây); Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã quyết định thành lập Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương, thành lập bộ máy giúp việc của Tòa án quân sự Trung ương gồm 05 phòng chức năng, gồm: Văn phòng; Phòng Giám đốc kiểm tra; Phòng Nghiên cứu tổng hợp; Phòng Tổ chức - Cán bộ; Phòng Thông tin tư liệu và Quản lý lý lịch tư pháp. Tòa án quân sự quân khu và tương đương gồm có Ủy ban Thẩm phán và Ban hành chính tổng hợp.<sup>17</sup>

Trên cơ sở Đề án cải cách các cơ quan tư pháp trong Quân đội của Quân ủy Trung ương, Tòa án nhân dân tối cao đã phối hợp với Bộ Quốc phòng trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 571/NQ-UBTVQH14 ngày 10/9/2018 về việc thành lập Tòa án quân sự quân khu và tương đương; Tòa án quân sự khu vực; biên chế, số lượng Thẩm phán của Tòa án quân sự các cấp. Theo đó, hệ thống Tòa án quân sự được tổ chức theo 03 cấp, tổng số 20 đầu mỗi Tòa án quân sự trong toàn quân, bao gồm: Tòa án quân sự trung ương; 09 Tòa án quân sự quân khu và tương đương; 10 Tòa án quân sự khu vực.

## **1.4. Về nhiệm vụ, thẩm quyền của các Tòa án nhân dân**

Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, hệ thống tổ chức Tòa án ở nước ta thành lập thêm Tòa án nhân dân cấp cao, cùng với sự thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy đó thì thẩm quyền của Tòa án nhân dân các cấp cũng có sự thay đổi.

### ***1.4.1. Nhiệm vụ, thẩm quyền của Tòa án nhân dân tối cao***

Trên cơ sở các định hướng tại Nghị quyết số 49-NQ/TW của Bộ Chính trị, nhiều nhiệm vụ mới của Tòa án nhân dân tối cao đã được Hiến pháp năm 2013 ghi nhận và cụ thể hóa trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, cụ thể:

---

17 Theo Quyết định số 31/QĐ-TCCB ngày 24/4/2003 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, bộ máy giúp việc của Tòa án quân sự Trung ương gồm có: Phòng Nghiên cứu - Tổng hợp, Phòng Giám đốc- Kiểm tra, Phòng Tổ chức - Cán bộ và Văn phòng (trực thuộc Văn phòng có các ban: Hành chính, Tài chính và Thông tin - Tư liệu). Tòa án quân sự cấp quân khu có Ủy ban Thẩm phán và Ban hành chính tổng hợp. Tòa án quân sự khu vực có Chánh án, Phó Chánh án, các Thẩm phán, Thư ký và Ban hành chính tổng hợp.

- Công tác phát triển án lệ: Phát triển án lệ là nhiệm vụ mới của Tòa án nhân dân tối cao<sup>18</sup>, nguyên tắc áp dụng án lệ trong xét xử cũng đã được ghi nhận trong các đạo luật về tố tụng<sup>19</sup>. Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành nghị quyết về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ<sup>20</sup>; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị về Tăng cường công tác phát triển và công bố án lệ<sup>21</sup>. Cho tới nay, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành được 56 án lệ<sup>22</sup>.

- Công tác xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm: Tòa án nhân dân tối cao không còn chức năng xét xử phúc thẩm, theo đó, chỉ tập trung vào công tác kiểm tra, giám đốc việc xét xử, nhằm chuyên môn hóa hơn trong công tác này, góp phần thể hiện đúng vị trí, vai trò của Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Công tác tổng kết thực tiễn, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật: công tác tổng kết thực tiễn xét xử thời gian qua tại Tòa án được thực hiện dưới nhiều hình thức mới, hiệu quả nhằm tổng hợp kịp thời, đầy đủ các vướng mắc phát sinh từ thực tiễn xét xử, áp dụng pháp luật tại các Tòa án. Tòa án nhân dân tối cao đã mở hòm thư điện tử [phapchetooan2016@gmail.com](mailto:phapchetooan2016@gmail.com) để tiếp nhận các vướng mắc trong thực tiễn xét xử do các Tòa án nhân dân phản ánh. Thông qua đó, nhiều vấn đề phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm mà các Tòa án đang gặp vướng mắc về đường lối xử lý đã được tổng hợp và được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giải đáp kịp thời bằng văn bản hoặc tại các Hội nghị đối thoại, Hội nghị tập huấn trực tuyến toàn quốc, để các Tòa án tham khảo trong quá trình giải quyết vụ việc<sup>23</sup>.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng các chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân: Công tác đào tạo, bồi dưỡng không phải là một nhiệm vụ mới của Tòa án nhân dân tối cao, tuy nhiên phải đến Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 mới được khẳng định bằng một quy định cụ thể<sup>24</sup>, thể hiện rõ đây là một nhiệm vụ quan trọng của Tòa án nhân dân tối cao, là sự cụ thể hóa các chủ trương của Đảng đối với công tác này. Triển khai thực hiện quy định của Luật, công tác đào tạo, bồi dưỡng của Tòa án nhân dân tối cao trong những năm qua đã có nhiều đổi mới, với nhiều hình thức đa dạng khác nhau. Học viện Tòa án với vai trò là

---

<sup>18</sup> Theo điểm c khoản 2 Điều 22 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ “Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”; Khoản 5 Điều 27 của Luật quy định Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ: “Chỉ đạo việc tổng kết thực tiễn xét xử, xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; tổng kết phát triển án lệ, công bố án lệ”.

<sup>19</sup> Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

<sup>20</sup> Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015 và Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019

<sup>21</sup> Chỉ thị số 04/2016/CT-TA ngày 30/5/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

<sup>22</sup> Gồm 11 án lệ về hình sự; 31 án lệ về dân sự, tố tụng dân sự; 10 án lệ về kinh doanh thương mại; 01 án lệ về lao động; 03 án lệ về tố tụng hành chính.

<sup>23</sup> Đến nay Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành 08 giải đáp và 04 thông báo giải đáp các vấn đề vướng mắc về hình sự, hành chính, dân sự trong thực tiễn xét xử.

<sup>24</sup> Khoản 4 Điều 20 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014



cơ sở đào tạo, bồi dưỡng của Tòa án nhân dân tối cao cũng đã được thành lập<sup>25</sup> trên cơ sở kế thừa và phát triển chức năng, nhiệm vụ và bộ máy tổ chức của Trường Cán bộ Tòa án (trước đây).

#### ***1.4.2. Nhiệm vụ, thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp cao***

Theo quy định tại Điều 29 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Nghị quyết số 957/NQ-UBTVQH13 ngày 28/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì các Tòa án nhân dân cấp cao xét xử phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ việc thuộc phạm vi theo thẩm quyền về lãnh thổ. Theo đó, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương từ Hà Tĩnh trở ra<sup>26</sup>; Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 12 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực miền Trung và Tây Nguyên<sup>27</sup>; Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khu vực Nam bộ<sup>28</sup>.

Các Tòa án nhân dân cấp cao thực hiện phần lớn nhiệm vụ trước đây của Tòa án nhân dân tối cao và phân nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án nhân dân cấp tỉnh<sup>29</sup>. Tuy nhiên, đối với các Tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân cấp cao thì Chánh tòa không có thẩm quyền trả lời đơn đề nghị kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm như các Tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân tối cao trước đây, thẩm quyền trả lời đơn là của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao. Các Tòa chuyên trách tập trung vào nhiệm vụ xét xử phúc thẩm các vụ, việc thuộc thẩm quyền. Quy định như vậy là phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp theo hướng thu gọn đầu mỗi giám đốc thẩm, tái thẩm.

#### ***1.4.3. Nhiệm vụ, thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh***

---

<sup>25</sup> Quyết định số 1191/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ

<sup>26</sup> Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 28 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng; các tỉnh: Hòa Bình, Phú Thọ, Tuyên Quang, Hà Giang, Thái Nguyên, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lào Cai, Yên Bái, Lạng Sơn, Sơn La, Lai Châu, Điện Biên, Vĩnh Phúc, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hà Nam, Quảng Ninh, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An và Hà Tĩnh.

<sup>27</sup> Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 12 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khu vực miền Trung và Tây Nguyên, bao gồm: Thành phố Đà Nẵng; các tỉnh: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai, Kon Tum và Đắk Lắk.

<sup>28</sup> Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ đối với 23 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, bao gồm: Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Cần Thơ; các tỉnh: Bình Thuận, Ninh Thuận, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Tây Ninh, Đắk Nông, Lâm Đồng, Hậu Giang, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Sóc Trăng, Bạc Liêu, Cà Mau, An Giang và Kiên Giang.

<sup>29</sup> Điều 29 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân cấp cao

1. Phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của luật tố tụng.

2. Giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng.

Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền sơ thẩm vụ việc theo quy định của pháp luật; phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện, chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị<sup>30</sup>; không thực hiện nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm như trước đây, khắc phục được tình trạng có quá nhiều cơ quan có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm dẫn đến ở các cấp giám đốc thẩm khác nhau có đường lối không thống nhất về cùng vụ án có tính chất tương tự.

#### ***1.4.4. Nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện***

Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền sơ thẩm vụ việc và giải quyết việc khác theo quy định của pháp luật<sup>31</sup>. Hiện nay, các Tòa án nhân dân cấp huyện đã được tăng thẩm quyền theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Các Tòa án đã có nhiều cố gắng trong việc đưa các vụ án ra xét xử đúng thời hạn theo quy định của pháp luật, chuẩn bị và tổ chức tốt việc tranh tụng tại phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp nên chất lượng xét xử tiếp tục được bảo đảm, tỷ lệ các bản án, quyết định giải quyết án hình sự bị sửa, hủy do lỗi chủ quan của Thẩm phán giảm hơn so với trước khi được tăng thẩm quyền.

### **1.4. Về Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án**

#### ***1.4.1. Đối với các Tòa án nhân dân***

##### ***a) Việc kiện toàn đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án***

Thực hiện quy định mới của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 về điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp<sup>32</sup>, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức đào tạo, cấp chứng chỉ và tổ chức thành công nhiều kỳ thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán và nâng ngạch Thẩm tra viên chính, Thư ký viên chính cho Tòa án nhân dân các cấp. Các kỳ thi được tổ chức công khai, nghiêm túc, đảm bảo chất lượng, đúng theo kế hoạch, đáp ứng được các mục tiêu đã đề ra. Việc tổ chức thi tuyển được thực hiện theo hướng mở rộng nguồn (tất cả công chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật đều được tham dự thi tuyển) nhằm lựa chọn được những người có năng lực, trình độ tốt nhất để bổ nhiệm, từ đó tạo động lực cho cán bộ, công chức thi đua học tập, trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

So với Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002 thì Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 có rất nhiều quy định mới, chính vì vậy, số lượng, chất lượng đội ngũ Thẩm phán, cán bộ, công chức của Tòa án nhân dân các cấp sau khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 ra đời có những chuyển biến mới,

<sup>30</sup> Điều 37 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

<sup>31</sup> Điều 44 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

<sup>32</sup> Người muốn được bổ nhiệm làm Thẩm phán ngoài những điều kiện như trước đây còn phải có thêm điều kiện đã trúng tuyển kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán, có thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên (thay vì 04 năm như trước đây); Thẩm phán sơ cấp muốn được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán trung cấp phải trải qua kỳ thi nâng ngạch Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán trung cấp muốn được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán cao cấp phải trải qua kỳ thi nâng ngạch Thẩm phán cao cấp.

cụ thể như sau :

Tính đến ngày 30/4/2022, hệ thống Tòa án nhân dân được giao 15.237 biên chế, hiện có 13.306 người<sup>33</sup> (đạt 87.33%), còn thiếu 1.931 biên chế, cụ thể:

- Tòa án nhân dân tối cao hiện có 405 người (đạt 88.21%), gồm: 16 Thẩm phán tối cao; 389 Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và tương đương. Còn thiếu 53 biên chế.

- 03 Tòa án nhân dân cấp cao hiện có 312 người (đạt 89.14%), gồm: 101 Thẩm phán cao cấp, 210 Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và tương đương, 01 chức danh khác. Còn thiếu 38 biên chế.

- 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh hiện có 3.284 người (đạt 82.06%), gồm: 1.186 Thẩm phán; 1.996 Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và tương đương, 102 chức danh khác. Còn thiếu 718 biên chế.

- 702 Tòa án nhân dân cấp huyện hiện có 9.306 người (đạt 89.25%), gồm: 5.156 Thẩm phán; 3.983 Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và tương đương, 167 chức danh khác. Còn thiếu 1.121 biên chế.

#### *b) Về trình độ đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án*

Về trình độ chuyên môn, Tòa án nhân dân hiện có 03 phó giáo sư (0.02%); 57 tiến sỹ (0,43%); 2.530 thạc sỹ (19.01%); 10.451 Cử nhân (78.54%); 268 trình độ khác (2.01%); về trình độ lý luận chính trị: có 2.264 người có trình độ cử nhân hoặc cao cấp chính trị (17.01%); 4.127 người có trình độ trung cấp chính trị (31.02%).

Như vậy, có thể nói đội ngũ Thẩm phán, công chức Tòa án nhân dân ngày càng được củng cố, kiện toàn, đáp ứng tốt hơn yêu cầu mà nhiệm vụ đặt ra đối với Tòa án nhân dân.

#### **1.4.2. Đối với các Tòa án Quân sự**

Tổng biên chế của hệ thống Tòa án quân sự là 310 người (giảm 23 biên chế so với trước đây), trong đó Sĩ quan là 240 đồng chí, Quân nhân chuyên nghiệp và Viên chức quốc phòng, Hạ sỹ quan- Chiến sỹ là 70 đồng chí.

Theo Nghị quyết số 571/NQ-UBTVQH14 ngày 10/9/2018 về việc thành lập Tòa án quân sự quân khu và tương đương, hệ thống Tòa án quân sự có 01 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, 27 Thẩm phán cao cấp, 62 Thẩm phán Trung cấp và 40 Thẩm phán sơ cấp. Tính đến nay, hệ thống Tòa án quân sự có 01 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; 23 Thẩm phán cao cấp (thiếu 04 người); 46 Thẩm phán trung cấp (thiếu 16 người); 32 Thẩm phán sơ cấp (thiếu 08 người). Biên chế Thẩm tra viên các cấp được giao là 46 người; trong đó, Thẩm tra viên cao cấp là 05 người, Thẩm tra viên chính là 22 người, Thẩm tra viên là 19 người. Hiện hệ thống Tòa án quân sự có 27 Thẩm tra viên (thiếu 19 người); trong đó, có 01 Thẩm tra viên cao cấp (thiếu 04); 16 Thẩm tra viên chính (thiếu 06 người); 10

<sup>33</sup> 6.179 Thẩm phán; 6.819 Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và tương đương; 504 chức danh khác.

Thẩm tra viên (thiếu 09 người). Biên chế Thư ký được giao là 61 người, hiện có 55 người (thiếu 06 người). Cán bộ, công chức khác là 11 người.

Cơ cấu tổ chức của Tòa án quân sự Trung ương theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Quyết định số 1121/2015/QĐ-TANDTC so với cơ cấu tổ chức cũ thêm 01 phòng (Phòng Thông tin tư liệu và Quản lý lý lịch tư pháp) nhưng tổng biên chế vẫn là 54 người; trong đó Sỹ quan là 41 đồng chí, Quân nhân chuyên nghiệp và Hạ sỹ quan-Chiến sỹ là 13 đồng chí. Các Tòa án quân sự quân khu và tương đương có tổng quân số là 126 đồng chí, trong đó có 99 Sỹ quan và 27 Quân nhân chuyên nghiệp và Viên chức quốc phòng.<sup>34</sup> Các Tòa án quân sự khu vực có tổng quân số 130 đồng chí, trong đó có 100 Sỹ quan và 30 Quân nhân chuyên nghiệp và Viên chức quốc phòng.<sup>35</sup>

Đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án quân sự 100% có trình độ Đại học; trong đó có 03 tiến sỹ, 74 thạc sỹ, 75 đồng chí tốt nghiệp Cao cấp lý luận chính trị... nhiều cán bộ có 02 bằng Cử nhân. Trình độ tin học, ngoại ngữ cơ bản đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, yêu cầu nhiệm vụ của Tòa án quân sự trong tình hình mới.

### **1.5. Về chế độ, chính sách đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án**

Các chế độ, chính sách đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án được thực hiện đúng quy định tại Nghị quyết số 730/2004/NQ-UBTVQH11 ngày 30/9/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ ngành Tòa án, Kiểm sát; các chế độ phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp trách nhiệm, phụ cấp công vụ theo quy định của Chính phủ; Nghị quyết số 1212/2016/UBTVQH13 ngày 13/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung chế độ phụ cấp đối với một số chức danh mới theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, cụ thể như sau:

- Về chế độ tiền lương: Bổ sung Thẩm phán cao cấp thuộc đối tượng áp dụng Bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ hệ thống Tòa án và thuộc Nhóm chức danh loại A3 (cùng với Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao). Chế độ tiền lương của Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp, cán bộ, công chức khác vẫn giữ nguyên như trước đây.

- Về chế độ phụ cấp: Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao được hưởng phụ cấp trách nhiệm theo hệ số 1,25. Thẩm phán cao cấp được hưởng phụ cấp trách nhiệm là 20%. Ngoài ra, Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán cao cấp còn được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên nghề như trước đây (thực hiện theo quy định tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15/9/2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 204/2004/NĐ-CP ngày

<sup>34</sup> Theo Quyết định của Bộ Tổng tham mưu Quân đội Nhân dân Việt Nam, biên chế của mỗi Tòa án quân sự quân khu, quân chủng Hải quân và Thủ đô Hà Nội là 14 đồng chí (Trong đó sỹ quan là 11 đồng chí; Quân nhân chuyên nghiệp, Viên chức quốc phòng là 03 đồng chí).

<sup>35</sup> Mỗi Tòa án quân sự cấp khu vực biên chế 13 đồng chí (Trong đó Sỹ quan là 10 đồng chí; Quân nhân chuyên nghiệp và viên chức quốc phòng là 03 đồng chí).

14/12/2004 của Chính phủ). Chế độ phụ cấp của Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp, cán bộ, công chức khác vẫn giữ nguyên như trước đây.

- Về trang phục: Ngày 13/6/2016, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1214/2016/UBTVQH13 quy định về trang phục của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân; Giấy chứng minh Thẩm phán, Giấy chứng minh Hội thẩm nhân dân. Theo đó, ngoài trang phục làm việc hằng ngày, Thẩm phán được bổ sung trang phục xét xử và lễ phục. Bên cạnh đó, mỗi Thẩm phán được cấp “phù hiệu Thẩm phán”. Ngày 11/8/2017, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 419/2017/NQ-UBTVQH14 về việc thực hiện thống nhất trang phục xét xử của Thẩm phán Tòa án nhân dân. Triển khai thực hiện các Nghị quyết nêu trên, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức may sắm tập trung cho từng Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án.

### **1.6. Về Hội thẩm và chế độ, chính sách đối với Hội thẩm**

Các quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 về Hội thẩm đã có những bổ sung quan trọng nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân trước đây. Theo đó, Hội thẩm được tổ chức thành Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm hoạt động theo quy chế do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành.

Tòa án nhân dân tối cao đã phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đoàn Hội thẩm; trên cơ sở đó ban hành hướng dẫn về công tác bầu Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021. Tổng số Hội thẩm nhân dân nhiệm kỳ 2016-2021 của 63 Tòa án nhân dân cấp tỉnh và 702 Tòa án nhân dân cấp huyện là 17.014 người. Hiện nay, với nhiệm kỳ mới 2021-2026, Tòa án nhân dân các cấp có 16.833 Hội thẩm nhân dân, trong đó, có 10.591 nam (tỷ lệ 62,91%), 6.242 nữ (tỷ lệ 37,08%); 2.124 Hội thẩm là người dân tộc thiểu số (tỷ lệ 12,62%); 4.306 Hội thẩm có trình độ chuyên môn pháp lý (tỷ lệ 25,58%); 13.130 Hội thẩm là cán bộ đương chức (tỷ lệ 78%); 8.753 Hội thẩm được tái cử (tỷ lệ 52%), đảm bảo cơ cấu nghề nghiệp, năng lực theo quy định của pháp luật.

Trong hệ thống Tòa án quân sự, với nhiệm kỳ mới 2019-2024, Tòa án quân sự các cấp có 372 Hội thẩm quân nhân, trong đó, Hội thẩm cấp quân khu là 133 người, Hội thẩm quân nhân cấp khu vực là 239 người, có 406 nam (tỷ lệ 98%), 8 nữ (tỷ lệ 02%); 38 Hội thẩm là người dân tộc thiểu số (tỷ lệ 09%); 41 Hội thẩm có trình độ chuyên môn pháp lý (tỷ lệ 10%); Hội thẩm là cán bộ đương chức (tỷ lệ 100%); 252 Hội thẩm được tái cử (tỷ lệ 61%), 100% Hội thẩm quân nhân có trình độ Đại học trở lên, đảm bảo cơ cấu nghề nghiệp, năng lực theo quy định của pháp luật.

Hằng năm, Chánh án Tòa án quân sự Trung ương, Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh đều quan tâm, chủ động trong công tác bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn và tạo điều kiện để các Hội thẩm tham gia công tác xét xử theo quy định. Đội ngũ Hội thẩm được tiếp cận với những văn bản pháp luật mới, văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật, được trau dồi thêm kỹ năng, nghiệp vụ

nên về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu, bảo đảm chất lượng công tác xét xử. Nhìn chung, các Hội thẩm đều có tinh thần trách nhiệm cao và bản lĩnh trong xét xử<sup>36</sup>, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần cùng Tòa án thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ giải quyết, xét xử các loại án, giữ vững ổn định chính trị, trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương.

Khi làm nhiệm vụ xét xử, Hội thẩm được hưởng phụ cấp theo quy định của Thủ tướng Chính phủ quy định về chế độ bồi dưỡng phiên tòa. Theo đó, Hội thẩm Tòa án nhân dân được hưởng chế độ bồi dưỡng là 90.000 đồng/ngày (kể cả ngày làm việc nghiên cứu hồ sơ và tham gia xét xử tại Tòa án nhân dân); tuy nhiên, chế độ bồi dưỡng này là khá thấp so với mức sống hiện nay tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Hội thẩm nhân dân được cấp phát trang phục theo niên hạn gồm trang phục xuân - hè là quần âu, áo sơ mi trắng; trang phục thu - đông là bộ comple, áo sơ mi dài tay. Ngoài ra, Hội thẩm nhân dân được cấp: thắt lưng, giày da, bút tất, cà vạt và cấp dụng tài liệu.

## **1.7. Về việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của các Tòa án nhân dân**

### ***1.7.1. Việc thực hiện chức năng xét xử các loại án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án***

Từ ngày 01/6/2015 đến 30/4/2022, các Tòa án đã giải quyết 3,187,285 vụ việc các loại trong tổng số 3,334,915 vụ việc đã thụ lý (đạt tỷ lệ 95.57%); số vụ việc còn lại hầu hết là mới thụ lý và còn trong thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật. Trung bình mỗi năm, các Tòa án phải giải quyết khoảng 476.416 vụ việc các loại. Số vụ việc mà Tòa án phải giải quyết năm sau thường tăng so với năm trước. Chất lượng xét xử tiếp tục được bảo đảm và có những tiến bộ nhất định, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán năm sau thường thấp hơn năm trước. Trung bình mỗi năm có khoảng 1,22% các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Thẩm phán, đáp ứng yêu cầu Quốc hội đề ra. Tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Tòa án đã giảm so với các năm trước.

Việc xét xử các vụ án hình sự cơ bản đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Việc tranh tụng tại phiên tòa được chú trọng theo hướng thực chất, dân chủ, hiệu quả. Các Tòa án không hạn chế thời gian dành cho tranh tụng, tôn trọng và đảm bảo cho các bên tham gia tố tụng đưa ra chứng cứ và trình bày hết các ý kiến của mình. Trên cơ sở kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử đưa ra các phán quyết khách quan, toàn diện, đúng pháp luật, được dư luận xã hội ủng hộ.

Về công tác giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự và vụ án hành chính, các Tòa án đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ việc thuộc thẩm quyền, đảm bảo việc giải quyết các vụ việc đúng pháp luật, qua đó bảo vệ kịp thời các quyền, lợi ích chính đáng của Nhà nước, tổ chức, cá nhân. Đề tạo bước đột phá trong giải quyết án dân sự, hành chính,

---

<sup>36</sup> Hàng năm, các Tòa án đều tổ chức ít nhất 01 lớp tập huấn cho Hội thẩm nhân dân.

được sự đồng ý của Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương, trong năm 2018 Tòa án nhân dân tối cao đã triển khai thí điểm việc đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính tại Hải Phòng. Theo đánh giá kết quả mô hình thí điểm, các trung tâm hòa giải tại Tòa án đã hòa giải thành 76,2% số vụ việc được Tòa án chuyển sang<sup>37</sup>. Sau khi thực hiện thí điểm thành công tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục triển khai mở rộng thí điểm mô hình này tại 16 Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương<sup>38</sup>. Chương trình thí điểm cũng tạo sự đồng thuận trong xã hội, giảm áp lực đáng kể cho Tòa án. Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng Đề án “đổi mới, tăng cường hòa giải, đối thoại trong giải quyết các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính” trình các cấp có thẩm quyền xem xét để nhân rộng mô hình này trong toàn quốc. Trên cơ sở kết quả mở rộng thí điểm, Tòa án nhân dân tối cao đã đề xuất và chủ trì soạn thảo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án và đã được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 16/6/2020. Sau 02 năm việc triển khai thi hành Luật Hòa giải, đối thoại năm 2020 đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần vào việc giải quyết nhanh chóng các tranh chấp dân sự, khiếu kiện hành chính trong xã hội.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao đã thực hiện việc công khai bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật trên Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án. Đây là một trong các cơ chế hữu hiệu để tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động Tòa án; nâng cao chất lượng bản án, quyết định của Tòa án; ngăn ngừa, hạn chế tham nhũng, tiêu cực trong công tác xét xử; đồng thời là một phương thức để người dân thực hiện quyền tiếp cận thông tin được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013. Đến nay, trên cả nước đã có tổng số gần **700.000** bản án, quyết định được công bố, thu hút gần **28.000.000** (28 triệu) lượt truy cập. Việc công bố bản án, quyết định trên Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án đã nhận được rất nhiều sự quan tâm của dư luận, được người dân đồng tình ủng hộ, tin tưởng và đánh giá cao.

### ***1.7.2. Việc thực hiện nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của các Tòa án nhân dân***

Để tiếp tục nâng cao chất lượng giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, đảm bảo tất cả các đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm phải được xem xét trong thời hạn quy định của pháp luật, ngày 06/9/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Quyết định số 625/QĐ-CA ban hành Quy chế giải quyết đơn đề nghị, kiến nghị, thông báo đối với bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm tại Tòa án

---

<sup>37</sup> Báo cáo đánh giá mô hình thí điểm hoà giải, đối thoại tại Toà án năm 2020 được xây dựng trong Chương trình hợp tác giữa Tòa án nhân dân tối cao và EU JULE.

<sup>38</sup> Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội, Hải Phòng; Tòa án nhân dân các tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Quảng Ninh, Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Nam, Khánh Hòa, Đồng Nai, Bình Dương, Long An.

nhân dân. Nhìn chung, chất lượng giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm, chất lượng xét xử giám đốc thẩm ngày càng nâng cao; đã hạn chế thấp nhất các trường hợp trả lời không có căn cứ kháng nghị nhưng sau đó người có thẩm quyền lại kháng nghị để giải quyết vụ án theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm. Từ 01/6/2015 đến 30/4/2022, Tòa án nhân dân tối cao và các Tòa án nhân dân cấp cao đã thụ lý 5921 vụ việc giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; trong đó, đã giải quyết 5604 vụ việc, đạt 94,65%.

Theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, các Tòa án nhân dân cấp tỉnh không còn thẩm quyền kháng nghị và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm nhưng có nhiệm vụ kiểm tra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện và kiến nghị với Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét, kháng nghị theo thẩm quyền. Trong hơn 07 năm qua, Ủy ban Thẩm phán các Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao xem xét lại hàng trăm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

### ***1.7.3. Việc thực hiện nhiệm vụ xây dựng pháp luật, tổng kết thực tiễn xét xử của các Tòa án, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử***

#### ***a) Về xây dựng pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật***

Tòa án nhân dân tối cao đã chủ trì xây dựng, soạn thảo và trình Quốc hội thông qua 04 dự án Luật, 01 Nghị quyết<sup>39</sup>; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, thông qua 02 dự án Pháp lệnh<sup>40</sup>. Các dự án Luật, Nghị quyết, Pháp lệnh do Tòa án nhân dân tối cao trình đều bảo đảm tiên độ và chất lượng, được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua với tỷ lệ phiếu đồng thuận cao, góp phần quan trọng trong công tác hoàn thiện hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Bên cạnh đó, trong thời gian qua, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng, ban hành 39 Nghị quyết; 14 Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (Phụ lục 02); phối hợp với các Bộ, ngành ban hành 24 Thông tư liên tịch. Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang tiếp tục nghiên cứu, xây dựng nhiều dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán, dự thảo Thông tư của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và dự thảo Thông tư liên tịch. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao cũng đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng nhiều dự án Luật, dự thảo Nghị định, Thông tư liên tịch, Thông tư do bộ ngành khác chủ trì soạn thảo; đồng thời tích cực tham gia góp ý kiến đối với

---

<sup>39</sup> Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) thông qua ngày 24/11/2014 tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khóa XIII; Bộ luật tố tụng dân sự (sửa đổi) thông qua ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XIII; Luật tố tụng hành chính (sửa đổi) thông qua ngày 25/11/2015, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII; Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thông qua ngày 16/6/2020, tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIV; Nghị quyết số 33/2021/QH15 Về tổ chức phiên tòa trực tuyến (thông qua ngày 12/11/2021, tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa XV).

<sup>40</sup> Pháp lệnh số 01/2022/UBTVQH15 ngày 24/3/2022 về Trình tự, thủ tục Tòa án nhân dân xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Pháp lệnh số 02/2022/UBTVQH15 ngày 18/8/2022 về Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.



nhiều dự thảo văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan hữu quan gửi xin ý kiến góp ý.

Việc kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật đã góp phần tháo gỡ nhiều vướng mắc về áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết các loại vụ án, từng bước nâng cao chất lượng xét xử của các Tòa án.

#### *b) Về tổng kết thực tiễn xét xử*

Công tác tổng kết thực tiễn xét xử thời gian qua tại Tòa án được thực hiện dưới nhiều hình thức mới, hiệu quả nhằm tổng hợp kịp thời, đầy đủ các vướng mắc phát sinh từ thực tiễn xét xử, áp dụng pháp luật tại các Tòa án. Tòa án nhân dân tối cao đã mở hộp thư điện tử [phapchetoaan2016@gmail.com](mailto:phapchetoaan2016@gmail.com) để tiếp nhận các vướng mắc trong thực tiễn xét xử do các Tòa án nhân dân phản ánh<sup>41</sup>. Thông qua hộp thư điện tử này, nhiều vấn đề phức tạp, được dư luận xã hội quan tâm mà các Tòa án đang gặp vướng mắc về đường lối xử lý đã được tổng hợp và được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao giải quyết kịp thời. Đối với những vấn đề vướng mắc trong thực tiễn xét xử nhưng chưa thể ban hành ngay được văn bản hướng dẫn thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành các giải đáp vướng mắc nghiệp vụ để các Tòa án tham khảo, vận dụng. Cách làm này đã kịp thời tháo gỡ nhiều vướng mắc về áp dụng pháp luật trong quá trình giải quyết các loại vụ án. Đến nay, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành **08** Giải đáp và **04** thông báo giải đáp về các vấn đề vướng mắc về hình sự, hành chính, dân sự trong thực tiễn xét xử. Bên cạnh đó, hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành hàng trăm công văn hướng dẫn, trao đổi nghiệp vụ với các Tòa án nhân dân địa phương và các cơ quan hữu quan.

Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao còn tổ chức nhiều hội thảo, hội nghị quán triệt, tập huấn, tổng kết hàng năm như: Sơ kết 05 năm thi hành Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014; Hội nghị tập huấn chuyên sâu về các nội dung mới của bộ luật, luật, pháp lệnh..., qua đó phổ biến, quán triệt quy định của văn bản quy phạm pháp luật, rút kinh nghiệm đối với các sai sót của các Tòa án nhân dân trong công tác xét xử, góp phần tạo sự chuyển biến tích cực về chất lượng giải quyết, xét xử các loại vụ án.

#### *c) Về phát triển án lệ*

Phát triển án lệ là nhiệm vụ mới của Tòa án nhân dân tối cao được ghi nhận trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014<sup>42</sup>; nguyên tắc áp dụng án

---

<sup>41</sup> Hàng năm, Tòa án nhân dân tối cao nhận được hơn hàng trăm vướng mắc của các Tòa án thông qua hộp thư điện tử [phapchetoaan2016@gmail.com](mailto:phapchetoaan2016@gmail.com).

<sup>42</sup> Theo điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ “*Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử*”; khoản 5 Điều 27 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ “*Chỉ đạo việc tổng kết thực tiễn xét xử, xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; tổng kết phát triển án lệ, công bố án lệ*”.

lệ trong xét xử đã được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự năm 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ này, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015 và Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP ngày 18/6/2019 (thay thế Nghị quyết số 03/2015/NQ-HĐTP ngày 28/10/2015) về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ; Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Chỉ thị số 04/2016/CT-CA ngày 30/5/2016 về tăng cường công tác phát triển và công bố án lệ. Tính đến tháng 11/2022, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành được 56 án lệ, trong đó có 11 án lệ về hình sự, 31 án lệ về dân sự, hôn nhân và gia đình, 10 án lệ về kinh doanh thương mại, 03 án lệ về hành chính và 01 án lệ về lao động (Phụ lục 03).

Ngay sau khi án lệ được công bố, các Tòa án đã viện dẫn, áp dụng án lệ khi giải quyết các vụ việc tương tự. Đến ngày 30/9/2022, đã có 1190 bản án, quyết định của Tòa án đã viện dẫn áp dụng án lệ.

Trên cơ sở các án lệ được ban hành, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức nghiên cứu, xây dựng 03 cuốn “Án lệ và Bình luận”, Quyển I, II và III với nội dung tập hợp 39 án lệ đã được ban hành và những bình luận về từng án lệ.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng và đưa vào hoạt động Trang tin điện tử về án lệ để kịp thời đăng tải các tin tức, sự kiện liên quan đến án lệ; các bản án, quyết định được đề xuất lựa chọn, phát triển thành án lệ, các dự thảo án lệ; các án lệ đã được công bố và tạo điều kiện cho mọi chủ thể nghiên cứu, bình luận, góp ý kiến đối với các án lệ, dự thảo án lệ. Đến nay, đã có gần 970.000 lượt truy cập vào Trang tin điện tử về án lệ của Tòa án nhân dân tối cao.

#### ***1.7.4. Về thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chuyên môn của Tòa án quân sự***

Tòa án quân sự Trung ương đã chỉ đạo các Tòa án quân sự chủ động, tích cực giải quyết tốt các vụ án thuộc thẩm quyền, quán triệt chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong giải quyết án. Từ năm 2015 đến nay, các Tòa án quân sự đã xét xử sơ thẩm 910 vụ/1909 bị cáo; xét xử phúc thẩm 224 vụ/543 bị cáo; xét xử giám đốc thẩm 10 vụ/31 bị cáo. Các phán quyết của Hội đồng xét xử các Tòa án quân sự đều có căn cứ, dựa trên kết quả tranh tụng tại phiên tòa; hình phạt áp dụng đối với các bị cáo tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm và yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm. Các bản án đã tuyên đều đảm bảo đúng người, đúng tội, không có trường hợp nào xét xử oan người không có tội. Chất lượng xét xử của các Tòa án quân sự được giữ vững và nâng lên, đồng thời với thực hiện tốt công tác giám đốc xét xử, thi hành án hình sự, quản lý lý lịch tư pháp, tuyên truyền pháp luật...

Công tác giám đốc, kiểm tra hoạt động xét xử của Tòa án quân sự Trung ương đối với các Tòa án quân sự cấp dưới và của Tòa án quân sự cấp quân khu

đối với Tòa án quân sự khu vực được tiến hành thường xuyên và có nền nếp. Chế độ hoạt động của Ủy ban Thẩm phán được duy trì nghiêm túc theo chức năng, nhiệm vụ luật định; kịp thời giải quyết vướng mắc và thống nhất áp dụng pháp luật trong xét xử; đã phát hiện được những thiếu sót, kịp thời nhắc nhở và rút kinh nghiệm đối với các sai sót của Tòa án quân sự cấp dưới.<sup>43</sup>

Việc thực hiện tổng kết kinh nghiệm xét xử được Tòa án quân sự trung ương tổ chức thường xuyên thông qua các hội nghị sơ kết, tổng kết và tập huấn nghiệp vụ hàng năm. Thông qua đó, các Tòa án quân sự quân khu và tương đương, các Tòa án quân sự khu vực nêu ra những vướng mắc, bất cập về áp dụng pháp luật trong xét xử các vụ án hình sự, trên cơ sở những vướng mắc, bất cập các Tòa án quân sự đã nêu, Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương có giải đáp hoặc xây dựng nội dung tập huấn nghiệp vụ xét xử, tiến hành tập huấn vào tháng 6 hàng năm để nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ xét xử; qua đó góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ án hình sự thuộc thẩm quyền.

Tòa án quân sự trung ương đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị chức năng của Quân đội, Tòa án nhân dân tối cao và các cơ quan, ban, ngành Trung ương thực hiện xây dựng, ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật<sup>44</sup>; tham gia ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo đề nghị của các Bộ, Ban, ngành Trung ương; nội dung tham gia đóng góp đảm bảo thời gian, chất lượng; đề xuất được nhiều vấn đề mang tính chiến lược, thiết thực, được các cơ quan đánh giá cao. Hiện tại, Tòa án quân sự Trung ương được Tòa án nhân dân tối cao giao nhiệm vụ chủ trì xây dựng dự thảo Thông tư quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án quân sự (thay thế Thông tư số 01/2005/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BQP-BCA ngày 18/4/2005 trong 2022).

### **1.8. Về việc thực hiện công tác thanh tra, giám sát Thẩm phán, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

Ngày 19/6/2017, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quy định xử lý trách nhiệm người giữ chức danh tư pháp trong Tòa án nhân dân (ban hành kèm theo Quyết định số 120/QĐ-CA). Ngày 04/7/2018, thay mặt Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán Quốc gia, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã ký ban hành ***“Bộ Quy tắc về chuẩn mực đạo đức và ứng xử của Thẩm phán”*** làm cơ sở để các Thẩm phán tự rèn luyện, cơ quan quản lý đánh giá, khen thưởng, kỷ luật và nhân dân, xã hội giám sát hoạt động của các Thẩm phán. Bộ Quy tắc này được gửi tới các Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng

<sup>43</sup> Đã thực hiện kiểm tra 911 bản án đã có hiệu lực pháp luật trong toàn quân, trong đó: án sơ thẩm đã kiểm tra là 707 bản án (cấp khu vực 565 bản án, cấp quân khu 142 bản án), án phúc thẩm đã kiểm tra là 204 bản án. Đảm bảo 100% các bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án quân sự các cấp đều được kiểm tra. Qua kiểm tra đã ra 27 thông báo kiểm tra án gửi các Tòa án quân sự để nghiên cứu, học tập, rút kinh nghiệm chung trong toàn hệ thống.

<sup>44</sup> Như: Nghị quyết số 333/2017/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành quy chế phối hợp giữa Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Quốc phòng trong việc quản lý các Tòa án quân sự về tổ chức; Quyết định số 1121/QĐ-TANDTC về việc quyết định thành lập và quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ máy giúp việc trong các Tòa án quân sự; Thông tư số 18/2020/TT-BQP của Bộ Quốc phòng quy định Tiêu chuẩn chức vụ cán bộ thuộc Tòa án quân sự.

nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện để phối hợp thực hiện công tác giám sát đối với các Thẩm phán.

Công tác giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo và tiếp công dân trong được thực hiện nghiêm túc; không để xảy ra tình trạng đơn thư tồn đọng, kéo dài; các trường hợp cán bộ, công chức Tòa án có sai phạm đều được xử lý nghiêm minh.

### **1.19. Về việc thực hiện công tác hợp tác quốc tế**

Trong những năm qua, hệ thống Tòa án nhân dân ngày càng tăng cường hội nhập quốc tế và đạt được nhiều thành tựu. Tòa án nhân dân đã mở rộng hợp tác với Tòa án các nước, các tổ chức khác trong lĩnh vực tư pháp và pháp luật cả về đa phương và song phương. Về hợp tác song phương, cho đến nay, Tòa án nhân dân tối cao đã ký 19 thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực tư pháp với Tòa án tối cao các nước trên thế giới. Về hợp tác đa phương, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là thành viên Hội đồng Chánh án các nước ASEAN và đảm nhiệm thành công vai trò chủ tịch Hội đồng nhiệm kỳ 2020-2021. Tòa án nhân dân tối cao cũng tham gia tích cực vào Hội nghị Chánh án các nước châu Á-Thái Bình Dương và đóng vai trò tích cực trong việc tổ chức Hội nghị Tòa án các tỉnh biên giới ba nước Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào.

Tòa án nhân dân tối cao đã thực hiện nhiều chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật<sup>45</sup>, đóng góp đáng kể vào việc triển khai thực hiện nhiệm vụ của hệ thống Tòa án nhân dân trong công cuộc cải cách tư pháp, chủ yếu trên các lĩnh vực như: công tác xây dựng pháp luật<sup>46</sup>; bồi dưỡng nâng cao kiến thức và kỹ năng xét xử<sup>47</sup>; phát triển án lệ và công khai bản án<sup>48</sup>; về tăng cường ứng dụng công

---

<sup>45</sup> Từ tháng 6/2015 đến tháng 4/2022, Tòa án nhân dân tối cao đã và đang thực hiện 05 dự án và chương trình hợp tác với nước ngoài. Đó là các dự án do Cơ quan hợp tác quốc tế Nhật Bản (JICA), Cơ quan hợp tác quốc tế Hàn Quốc (KOICA), Dự án do Liên minh châu Âu, Chương trình phát triển Liên hợp quốc và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (EU JULE) đồng tài trợ, Công ty tài chính quốc tế (IFC), Dự án cải thiện Môi trường kinh doanh công bằng trong khu vực ASEAN do Chính phủ Anh tài trợ. Ngoài ra, Tòa án nhân dân tối cao nhận được sự hỗ trợ một số hoạt động từ các nhà tài trợ khác.

<sup>46</sup> Các dự án, chương trình hợp tác với nước ngoài đã hỗ trợ Tòa án nhân dân tối cao trong việc nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các bộ luật, luật quan trọng như Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án. Hiện nay, Tòa án nhân dân tối cao đang tranh thủ sự hỗ trợ kỹ thuật của các nhà tài trợ để nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế phục vụ xây dựng Luật tư pháp người chưa thành niên. Ngoài ra, các dự án hỗ trợ kỹ thuật cũng đã tổ chức nhiều hội thảo nhằm thu thập ý kiến về xây dựng Nghị quyết Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của các Bộ luật, Luật nêu trên. Điều này đã giúp cho thủ tục tố tụng của Việt Nam phù hợp hơn với thông lệ quốc tế, quá trình tố tụng tại Tòa án minh bạch hơn và người dân dễ dàng tiếp cận công lý hơn.

<sup>47</sup> Trong những năm qua, với sự hỗ trợ kỹ thuật của các dự án quốc tế, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức nhiều hội thảo, khóa tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và cán bộ Tòa án. Các khóa tập huấn chủ yếu tập trung vào việc thi hành Bộ luật Hình sự, Bộ luật tố tụng Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính và Luật phá sản. Các khóa tập huấn đã cung cấp cho Thẩm phán và cán bộ Tòa án những kiến thức, kỹ năng về giải quyết các vụ án trong các lĩnh vực nêu trên. Ngoài ra, từ năm 2015 đến tháng 4/2022, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức nhiều hội thảo, tập huấn về giải quyết các tranh chấp quyền sở hữu trí tuệ, thương mại quốc tế.

<sup>48</sup> Các nghiên cứu, hội thảo và tập huấn về lựa chọn, áp dụng án lệ trong công tác xét xử cũng được các chương trình, dự án hợp tác với nước ngoài chú trọng thực hiện. Nhiều chuyên gia quốc tế đã được mời tham gia trình bày tại các hội thảo, tập huấn nhằm chia sẻ, cung cấp kiến thức, nâng cao nhận thức cho Thẩm phán, cán bộ Tòa án về án lệ và vai trò của việc áp dụng án lệ trong giải quyết các vụ án. Những hoạt động trên đây đã tạo tiền đề cho việc thực hiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về

nghe thông tin trong hệ thống Tòa án nhân dân<sup>49</sup>; về thành lập Tòa gia đình và người chưa thành niên<sup>50</sup>; xây dựng và phát triển Học viện Tòa án.<sup>51</sup>

Đồng thời, đáp ứng yêu cầu giải quyết các vụ việc, Tòa án nhân dân tối cao đã tăng cường công tác hợp tác tư pháp quốc tế, thực thi hiệu quả các điều ước; phối hợp với cơ quan liên quan nghiên cứu gia nhập Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế; tích cực tham gia đoàn công tác của Chính phủ tham dự các phiên họp của Liên hợp quốc, đoàn đánh giá các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên<sup>52</sup>; triển khai kế hoạch thực hiện nhằm thực thi có hiệu quả nghĩa vụ của thành viên đối với các công ước đã tham gia.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao tham gia Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án thành lập Cơ quan Nhân quyền quốc gia Việt Nam, tham gia hiệu quả công tác xây dựng các văn bản pháp luật về hợp tác quốc tế do bộ, ngành khách chủ trì<sup>53</sup>, tham gia góp ý kiến đối với các vấn đề hợp tác quốc tế có liên quan đến Tòa án nhân dân<sup>54</sup>.

Việc tăng cường hợp tác quốc tế trong các lĩnh vực đã góp phần thúc đẩy quá trình cải cách tư pháp và pháp luật tại Việt Nam nói chung và hệ thống Tòa án nhân dân nói riêng. Thông qua các hoạt động hợp tác quốc tế, các chuyên gia, tổ chức quốc tế đã chia sẻ nhiều kinh nghiệm về pháp luật quốc tế, tham gia đóng góp ý kiến về các vấn đề mà Tòa án nhân dân tối cao đề nghị tham vấn, cung cấp các tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động xây dựng

---

việc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ “Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”.

<sup>49</sup> Với sự hỗ trợ của KOICA, trong khuôn khổ Dự án “Tăng cường tính minh bạch và nâng cao chất lượng xét xử tại Tòa án Việt Nam” giai đoạn 2019-2022, Tòa án nhân dân tối cao đã tiến hành khảo sát, nghiên cứu, xây dựng nhằm chuẩn hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ giải quyết các loại vụ việc của các cấp Tòa án, làm cơ sở xây dựng phần mềm quản lý tổng hợp cho toàn hệ thống Tòa án. Ngoài ra, Dự án cũng hỗ trợ một số hoạt động khác trong việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại Tòa án.

<sup>50</sup> Nhằm thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam về tăng cường bảo vệ quyền trẻ em; bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em nói chung và xử lý người chưa thành niên vi phạm pháp luật nói riêng, tháng 4 năm 2016, Việt Nam đã thành lập thí điểm Tòa gia đình và người chưa thành niên tại Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. UNICEF và một số nhà tài trợ khác đã hỗ trợ Tòa án nhân dân tối cao nhân rộng mô hình Tòa gia đình và người chưa thành niên.

Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân tối cao cũng phối hợp với các đối tác nước ngoài tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo nhằm chia sẻ kinh nghiệm quốc tế trong xét xử các vụ việc có liên quan đến người chưa thành niên như giải quyết các vụ án về xâm hại tình dục trẻ em, đặc biệt là việc xét xử kín, cung cấp chứng cứ; các hội thảo về nâng cao hiệu quả hoạt động Tòa gia đình và người chưa thành niên.

<sup>51</sup> Với mục tiêu hỗ trợ Học viện Tòa án xây dựng chiến lược và thực hiện đào tạo chuyên môn nghiệp vụ có chất lượng cao cho cán bộ tư pháp, phù hợp với chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế, KOICA cùng với Tòa án tối cao Hàn Quốc đã giúp Tòa án nhân dân tối cao Việt Nam tiếp cận với hệ thống, quá trình đào tạo và phương thức đào tạo Thẩm phán của Hàn Quốc. Hàn Quốc cũng cử nhiều lượt Thẩm phán, chuyên gia sang Việt Nam tư vấn về chương trình đào tạo tư pháp nhằm chia sẻ những kinh nghiệm trong việc xây dựng và phát triển giáo trình, chương trình giảng dạy, quản lý đào tạo tư pháp, phương pháp giảng dạy hiện đại.

<sup>52</sup> Như Công ước về phòng, chống tội phạm xuyên quốc gia (TOC), Công ước về phòng, chống tham nhũng (CAC); tham gia xây dựng và bảo vệ thành công Báo cáo quốc gia về thực thi Công ước Chống tra tấn (CAT), Công ước về các quyền dân sự, chính trị (ICCPR), Báo cáo định kỳ phổ quát về quyền con người (UPR), Công ước Chống mất tích cưỡng bức, Công ước về chống tham nhũng, Công ước chống khủng bố toàn cầu;

<sup>53</sup> Như xây dựng Nghị định về các biện pháp ngoại giao; Luật Điều ước quốc tế (sửa đổi)...

<sup>54</sup> Như đề án về gia nhập Công ước La Hay về miễn hợp pháp hóa giấy tờ công của nước ngoài, Công ước Viên về mua bán hàng hóa quốc tế...

pháp luật, phát triển án lệ và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin tại Tòa án... Ngoài ra, Thẩm phán và cán bộ Tòa án đã được cung cấp nhiều thông tin, kỹ năng phục vụ cho việc nâng cao chất lượng xét xử, đặc biệt là các lĩnh vực mà Việt Nam chưa có nhiều kinh nghiệm.

### **1.10. Về việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng**

Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, công chức được Tòa án đặc biệt chú trọng và tăng cường; đổi mới mạnh mẽ theo hướng thực chất và hiệu quả, tăng mạnh về số lượng và đối tượng được tham gia đào tạo; đổi mới giáo trình tài liệu và phương pháp giảng dạy, học tập; đa dạng hình thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn. Cụ thể:

- Xây dựng Đề án “Nâng cao năng lực và mở rộng quy mô Trường Cán bộ Tòa án” nhằm chuẩn hóa công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án và cán bộ của hệ thống Tòa án. Ngày 30/7/2015, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 1191/QĐ-TTg thành lập Học viện Tòa án nhằm từng bước kiện toàn nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao đội ngũ cán bộ của ngành có chất lượng cao, đủ năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức đáp ứng được yêu cầu chung của phát triển của đất nước cũng như chiến lược Cải cách tư pháp. Ngay sau khi Học viện Tòa án được thành lập, Ban Cán sự đảng Tòa án nhân dân tối cao đã tập trung chỉ đạo việc kiện toàn về tổ chức bộ máy, củng cố đội ngũ giảng viên và tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của Học viện. Đến nay, tổ chức bộ máy của Học viện Tòa án đã được kiện toàn đầy đủ với 13 khoa, phòng. Đội ngũ giảng viên của Học viện cũng được tăng cường về số lượng và nâng cao về chất lượng<sup>55</sup>. Cơ chế tổ chức đào tạo, bồi dưỡng của Học viện đã được đổi mới mạnh mẽ; cơ sở vật chất, kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng được đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được xây dựng phù hợp với yêu cầu công việc, bảo đảm đào tạo, bồi dưỡng vừa rộng, vừa chuyên sâu, kết hợp giữa rèn luyện đạo đức, tác phong với bồi dưỡng chuyên môn, giữa lý thuyết với kỹ năng nghiệp vụ Tòa án<sup>56</sup> và bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân. Công tác đào tạo đại học được triển khai thực hiện bước đầu đạt kết quả tốt, Học viện Tòa án đã tiến hành tuyển sinh 05 khóa đào tạo Đại học chuyên ngành Luật với tổng số 1.428 học viên<sup>57</sup>. Hiện nay, Học viện Tòa án đã có thêm chức năng đào tạo sau đại học. Bên cạnh đó, công tác đào tạo nghề (đào tạo nghiệp vụ xét xử, đào tạo

---

<sup>55</sup> Hiện tại, Học viện có 88 cán bộ, giảng viên, trong đó có 02 Phó giáo sư, 07 Tiến sỹ, 37 thạc sỹ còn lại là cử nhân đại học.

<sup>56</sup> Học viện Tòa án đã tổ chức chương trình Tòa tuyên án, Phiên tòa tập sự để cá sinh viên diễn án. Bên cạnh đó, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức xét xử phiên họp giám đốc thẩm mẫu tại Học viện Tòa án với sự tham dự của các Học viên, sinh viên. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu hiện có, Học viện đã mời giảng viên là Thẩm phán có nhiều kinh nghiệm trong hệ thống Tòa án hoặc là giảng viên chính có trình độ cao với học hàm Phó Giáo sư, Tiến sỹ, Thạc sỹ từ các cơ sở đào tạo Luật uy tín như Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật Đại học Quốc gia Hà Nội, Học viện Cảnh sát nhân dân tham gia giảng dạy tại Học viện Tòa án.

<sup>57</sup> 208 sinh viên khóa 1; 303 sinh viên khóa 2; 313 sinh viên khóa 3, 310 sinh viên khóa 4; 294 sinh viên khóa 5.

nghiệp vụ Thư ký Tòa án) cũng đã được nâng cao về chất lượng cũng như số lượng các lớp đào tạo. Nếu như trước đây việc đào tạo nghiệp vụ xét xử phải theo chỉ tiêu hàng năm tại Học viện Tư pháp (thuộc Bộ Tư pháp) thì sau khi Học viện Tòa án được thành lập, công tác đào tạo, bồi dưỡng của Tòa án nhân dân mang tính chủ động và hiệu quả hơn rất nhiều<sup>58</sup>. Các lớp đào tạo được mở ra liên tục đã đáp ứng được nhu cầu được đào tạo, bồi dưỡng của cán bộ, công chức Tòa án nhân dân. Công tác tập huấn nghiệp vụ định kỳ cho Thẩm phán cũng được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao kỹ năng nghiệp vụ của Thẩm phán và chất lượng xét xử của Tòa án.

Việc tổ chức thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp; thi nâng ngạch Thẩm phán; thi nâng ngạch Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án được diễn ra một cách khách quan, công bằng. Từ khi Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 có hiệu lực đến nay, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức thành công 15 cuộc thi tuyển chọn, nâng ngạch Thẩm phán<sup>59</sup>; 03 kỳ thi nâng ngạch Thẩm tra viên chính, Thư ký viên chính<sup>60</sup>.

- Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Tòa án nhân dân giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2025 với nhiều hình thức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, trình độ quản lý, kỹ năng thực hiện công tác dân vận, ngoại ngữ, tin học... và bồi dưỡng lý luận chính trị phù hợp với từng loại đối tượng như cán bộ có chức danh tư pháp, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ nghiên cứu, chuyên gia, công chức hành chính tư pháp<sup>61</sup>... Hằng năm, Tòa án nhân dân tối cao đều tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ xét xử, các lớp bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, Thẩm phán Tòa án các cấp<sup>62</sup>, trong đó tập trung vào việc triển khai thi hành các văn bản pháp luật mới, các vướng mắc trong thực tiễn xét xử...

- Từ năm 2018, với việc ứng dụng công nghệ thông tin, Tòa án nhân dân tối cao đã duy trì tổ chức tập huấn trực tuyến hàng tháng cho toàn thể đội ngũ Thẩm phán và công chức có chức danh tư pháp trong toàn hệ thống<sup>63</sup>.

---

<sup>58</sup> Đào tạo nghiệp vụ xét xử cho 2.336 người; Đào tạo nghiệp vụ Thẩm tra viên chính cho 441 người; Đào tạo nghiệp vụ Thư ký viên chính cho 814 người; Đào tạo nghiệp vụ Thẩm tra viên cho 358 người; Đào tạo nghiệp vụ Thư ký viên cho 3.276 người;

<sup>59</sup> Thi Thẩm phán cao cấp: dự thi 234 người, trúng tuyển: 151 người; Thi Thẩm phán trung cấp: dự thi 2115 người, trúng tuyển: 1928 người; Thi Thẩm phán sơ cấp: 2712 người, trúng tuyển: 2319 người.

<sup>60</sup> Thi Thẩm tra viên chính: dự thi 216 người, trúng tuyển 156 người; Thi Thư ký viên chính: dự thi 237 người, trúng tuyển 217 người

<sup>61</sup> Đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho 83 người (hệ không tập trung 66 người; hệ tập trung là 05 người; hoàn thiện là 12 người); Đào tạo sau đại học cho 99 người (Thạc sĩ là 91 người, Tiến sĩ là 08 người); Bồi dưỡng lãnh đạo, quản lý cấp Vụ cho 174 người, cấp Phòng cho 1.049 người; Bồi dưỡng kiến thức quản lý Nhà nước: Chuyên viên là 27 người, Chuyên viên chính là 11 người; Bồi dưỡng quốc phòng, an ninh: Đối tượng 1 là 02 người, Đối tượng 2 là 54 người; Bồi dưỡng ở nước ngoài: Cử 115 cán bộ tham gia các Đoàn nghiên cứu học tập tại nước ngoài.

<sup>62</sup> Tổ chức 18 lớp đào tạo nghiệp vụ xét xử cho 1.650 học viên; khóa đào tạo nghiệp vụ Thẩm tra viên cho 2.229 học viên; 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho 41 giảng viên Học viện Tòa án; 05 khóa đào tạo nghiệp vụ Thư ký Tòa án cho 426 công chức; 01 lớp tài chính kế toán cho 200 học viên; 01 lớp Thư ký Tòa án trực tuyến cho 1.159 học viên; 05 lớp tập huấn kiến thức pháp luật cho 300 Thẩm phán...

<sup>63</sup> Từ tháng 4/2018 đến nay, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức 25 hội nghị trực tuyến tập huấn nghiệp vụ cho Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án nhân dân và Tòa án quân sự các cấp

- Tòa án nhân dân các cấp đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tổ chức các Phiên tòa rút kinh nghiệm, qua đó giúp các Thẩm phán đề cao tinh thần trách nhiệm trong chuẩn bị xét xử, nâng cao kinh nghiệm tổ chức phiên tòa. Các Tòa án nhân dân cấp tỉnh cũng đã chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho Thẩm phán, công chức và Hội thẩm nhân dân thuộc quyền quản lý, cũng như cử cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý nhà nước tại địa phương. **1.11. Về đảm bảo kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc của các Tòa án nhân dân**

Giai đoạn 2016-2022 là thời gian, kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất và phương tiện làm việc của các Tòa án nhân dân được tăng cường quan tâm, cải thiện đáng kể và sử dụng hiệu quả; cơ chế phân bổ ngân sách cho Tòa án dần được hoàn thiện, việc đầu tư xây dựng trụ sở các Tòa án và trang bị phương tiện phục vụ công tác xét xử được ưu tiên. Kinh phí tự chủ được giao 01 lần ngay từ đầu năm và không phân theo nhóm nên có thể phần nào đáp ứng kịp thời và sát thực với nhiệm vụ chi thực tế của từng đơn vị. Kinh phí không tự chủ được phân bổ theo đúng dự toán đã được Bộ Tài chính thông báo. Thực hiện cơ chế địa phương hỗ trợ kinh phí cho các Tòa án nhân dân từ khoản vượt thu ngân sách địa phương.

Triển khai sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ đối với các cơ sở nhà, đất của Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh, thành phố, Tòa án nhân dân tối cao đã hoàn thành xong các thủ tục để gửi Bộ Tài chính ban hành quyết định về phương án xử lý, sắp xếp lại đối với 76 cơ sở nhà, đất của Tòa án nhân dân trên địa bàn các tỉnh, thành phố; thực hiện xong Đề án “Trang bị phương tiện làm việc của hệ thống Tòa án nhân dân giai đoạn III (2014-2018)”<sup>64</sup>; xây dựng và triển khai Đề án “Trang bị phương tiện làm việc của hệ thống Tòa án nhân dân giai đoạn IV (2020-2024)” và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng kinh phí là 1.425 triệu đồng<sup>65</sup>.

Trên cơ sở vốn đầu tư được Chính phủ giao, Tòa án nhân dân tối cao đã đầu tư hoàn thành 124 dự án xây dựng trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân các cấp. Trong đó, nổi bật là việc hoàn thành trụ sở làm việc của Tòa án nhân dân tối cao tại số 43 phố Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; trụ sở 03 Tòa án nhân dân cấp cao; trụ sở Học viện Tòa án; một số Tòa án tỉnh và trụ sở làm việc của 35 đơn vị Tòa án nhân dân cấp huyện chưa có trụ sở chính thức do thực hiện chia tách địa giới hành chính. Qua đó, các công trình, trụ sở của Tòa án khang trang, hiện đại hơn, có vị trí phù hợp quy hoạch của địa phương, thuận tiện

---

<sup>64</sup> Đã mua sắm, trang bị được: 488 xe ô tô, 763 máy điều hòa nhiệt độ, 921 máy photocopy, 9.520 máy vi tính, 1.455 giá để tài liệu, 502 bộ tăng âm loa đài, 490 bộ camera giám sát, 585 bộ bàn ghế xét xử theo mô hình mới...

<sup>65</sup> Kinh phí này dành mua sắm: 537 xe ô tô, 7.348 máy điều hòa nhiệt độ, 939 máy photocopy; 789 bộ bàn ghế xét xử. Trong đó, năm 2021 đã trang bị 110 xe ô tô cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh và một số huyện vùng núi khó khăn. Trong năm 2022 sẽ hoàn thành việc trang bị 250 xe ô tô cho các Tòa án nhân dân các huyện còn lại chưa có xe ô tô; tiếp tục trang máy photocopy và điều hòa nhiệt độ trang bị cho các phòng xét xử.



giao thông dễ người dân dễ tiếp cận; công năng sử dụng phù hợp với hoạt động xét xử, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ theo tinh thần cải cách tư pháp, cơ bản thống nhất về hình thức tương ứng với quy mô biên chế và lượng án, đảm bảo tính trang nghiêm, tương xứng với vị trí của cơ quan tư pháp, công trình có giá trị mỹ thuật cao, tăng vẻ đẹp đô thị địa phương, tạo ra diện mạo mới, chấm dứt thời kỳ các Tòa án cấp huyện đi thuê trụ sở, cải thiện đáng kể điều kiện làm việc của toàn hệ thống.

### **1.12. Về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án nhân dân**

Trước yêu cầu nhiệm vụ cải cách tư pháp trong tình hình mới. Đặc biệt, từng bước thực hiện cam kết quốc tế là hoàn thành việc xây dựng Tòa án điện tử vào năm 2025 theo Nghị quyết của Hội nghị Chánh án khu vực ASEAN, trong thời gian qua, bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, sự quan tâm của Chính phủ và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, hệ thống Tòa án đã không ngừng cải tiến, nâng cao các điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai xây dựng và đưa vào sử dụng nhiều hệ thống công nghệ thông tin bước đầu giúp cho các hoạt động của Tòa án được thực hiện một cách chuyên nghiệp, công khai, minh bạch hơn, giảm bớt khối lượng công việc hành chính của Tòa án, góp phần hỗ trợ Thẩm phán trong hoạt động chuyên môn; đặc biệt nâng cao hiệu quả chỉ đạo điều hành và giúp người dân dễ dàng tiếp cận công lý. Cụ thể:

- **Về hạ tầng kỹ thuật:** Đã xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu đạt chuẩn Tier II dùng chung cho các Tòa án và Trung tâm giám sát điều hành Tòa án nhân dân đặt tại Tòa án nhân dân tối cao để lưu trữ tập trung, thống nhất toàn bộ thông tin, dữ liệu của các Tòa án; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin dữ liệu; cung cấp đủ tài nguyên đáp ứng yêu cầu triển khai các hệ thống công nghệ thông tin, phần mềm nội bộ dùng chung của Tòa án đáp ứng yêu cầu triển khai Tòa án điện tử. Đồng thời, thực hiện được việc giám sát, theo dõi tình trạng hoạt động, an toàn thông tin các hệ thống công nghệ thông tin của Tòa án; giám sát, theo dõi các thông tin liên quan đến hoạt động của Tòa án trên không gian mạng; theo dõi, tổng hợp thông tin về tình hình hoạt động và chỉ đạo điều hành của các Tòa án; hỗ trợ người dân xử lý các vấn đề liên quan đến việc sử dụng các nền tảng trực tuyến của Tòa án.

Các Tòa án đã được trang bị, lắp đặt thiết bị truyền hình hội nghị; hệ thống mạng WAN, LAN, đường truyền Internet tốc độ cao phục vụ cho các cán bộ, công chức Tòa án chia sẻ được thông tin, dữ liệu và tài nguyên trong nội bộ đơn vị và truy cập Internet khai thác thông tin phục vụ cho công việc chuyên môn; ngoài ra thông qua hệ thống mạng Internet các Tòa án kết nối về Trung tâm dữ liệu Tòa án nhân dân đặt tại Tòa án nhân dân tối cao để cập nhật, khai thác thông tin dữ liệu trên các phần mềm nội bộ dùng chung; 100% cán bộ công chức được cung cấp máy tính để bàn, máy in có nội mạng để phục vụ công việc; có 517/1.528 phòng xử án của các Tòa án được lắp đặt hệ thống âm thanh để phục vụ công tác xử án.

**- Về hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng:** Trong thời gian qua, với mục tiêu nâng cao hiệu quả quản trị Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao xây dựng, đưa vào sử dụng các hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng, như: Cổng Thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao<sup>66</sup> và 67 Trang thông tin điện tử Tòa án nhân dân các cấp; Trang thông tin điện tử công bố bản án, quyết định của Tòa án và Án lệ<sup>67</sup>; Dịch vụ công đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án<sup>68</sup>; Dịch vụ công gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án bằng phương tiện điện tử<sup>69</sup>. Đồng thời, để giúp cho người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công của Tòa án, Tòa án nhân dân tối cao đã phối hợp với Văn phòng Chính phủ và các bộ, ban, ngành có liên quan tích hợp 05 dịch vụ công của Tòa án nhân dân lên Cổng dịch vụ công quốc gia, gồm: (i) Gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng trực tuyến; (ii) Đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án; (iii) Công bố bản án, quyết định của Tòa án; (v) Án lệ và Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Từ đó, bước đầu tạo dựng môi trường giao tiếp điện tử giúp người dân dễ dàng theo dõi tình hình hoạt động của Tòa án, tra cứu các bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đã được công khai, các văn bản pháp luật, án lệ, thông báo thụ lý các vụ việc, tuyên bố phá sản, kết quả ủy thác tư pháp, tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú,... góp phần nâng cao chất lượng xét xử, chất lượng bản án, quyết định của Tòa án, tăng cường tính công khai, minh bạch trong hoạt động của Tòa án, củng cố niềm tin của người dân vào hoạt động của Tòa án, là phương thức để bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, tăng cường sự giám sát của cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với hoạt động xét xử của Tòa án.

---

<sup>66</sup> Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tối cao cũng được xây dựng phiên bản bằng tiếng Anh, liên kết với Cổng thông tin điện tử ASEAN.

<sup>67</sup> Đến thời điểm này, Trang thông tin công bố bản án đã có gần 900 nghìn bản án, quyết định; phục vụ hơn 100 triệu lượt truy cập tra cứu, khai thác thông tin; Trang tin Án lệ đã công bố 52 Án lệ và phục vụ hơn một triệu lượt truy cập tra cứu, khai thác thông tin. Ngoài ra, cơ sở dữ liệu các bản án và án lệ đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống đoán định tư pháp phục vụ cho Thẩm phán và người dân (với hệ thống này, người dân chỉ cần cung cấp một số thông tin về tình trạng pháp lý, hành vi pháp lý vụ việc mình đang dự định khởi kiện ra tòa, hệ thống sẽ đưa ra các quy định pháp luật, án lệ và các bản án đã có hiệu lực pháp luật có tình trạng pháp lý, hành vi pháp lý tương tự để người dân tham khảo).

<sup>68</sup> Đây là một dịch vụ hữu ích giúp các cơ quan, tổ chức, người dân không cần phải đến trụ sở của Tòa án, mà có thể đăng ký xin cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án ở bất kỳ thời gian, địa điểm nào. Qua hệ thống này, các Tòa án đã tiếp nhận, giải quyết hơn 6.400 yêu cầu đăng ký trực tuyến cấp sao bản án, tài liệu trong hồ sơ vụ án.

<sup>69</sup> Thông qua hệ thống này người dân và doanh nghiệp có thể nộp đơn khởi kiện cho Tòa án mà không bắt buộc phải đến Tòa án đồng thời dễ dàng theo dõi tiến trình giải quyết vụ việc của mình tại Tòa án. Đây là một dịch vụ đột phá trong hoạt động cải cách tư pháp, tạo nền tảng quan trọng cho việc xây dựng Tòa án điện tử. Tuy nhiên, thực tế từ khi đưa vào triển khai thí điểm tại một số Tòa án. Kết quả chưa được người dân quan tâm sử dụng. Nguyên nhân, theo quy định của Nghị quyết số 04/2016/NQ-HĐTP, khi người dân muốn nộp đơn khởi kiện trực tuyến bắt buộc phải có chữ ký số. Trong khi đó, việc sử dụng chữ ký số trong xã hội hiện nay quá mới mẻ, chưa phổ biến đại trà, sử dụng phức tạp và phải trả phí duy trì hàng tháng.

- **Về phần mềm ứng dụng nội bộ:** Nghiên cứu và đưa vào sử dụng các phần mềm như Phần mềm thống kê - số liệu các loại án<sup>70</sup>; Phần mềm quản lý việc thụ lý, giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm<sup>71</sup>; Phần mềm quản lý cán bộ công chức<sup>72</sup>; Phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Hệ thống phần mềm quản lý số hóa hồ sơ vụ án; Hệ thống phần mềm quản lý tài sản nhà nước; Phần mềm thư điện tử; Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến hơn 800 điểm cầu trong hệ thống TAND<sup>73</sup>; Phần mềm quản lý các loại án tổng hợp<sup>74</sup>.

Ngoài ra, công tác đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin cũng ngày càng được quan tâm, góp phần bảo đảm cho hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin và bước đầu xây dựng Tòa án điện tử.

### **1.13. Về công tác thi đua, khen thưởng của Tòa án nhân dân**

Hàng năm, Hội đồng thi đua-khen thưởng Tòa án nhân dân đều tổ chức phát động phong trào thi đua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị, địa phương; bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Cán sự đảng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về nhiệm vụ trọng tâm công tác Tòa án hằng năm. Các phong trào thi đua đều xác định rõ mục tiêu, đối tượng, nội dung, tiêu chí, phạm vi thi đua cụ thể, rõ ràng, dễ hiểu, dễ thực hiện, nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu nhiệm vụ công tác theo các Nghị quyết của Quốc hội và Chỉ thị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Các hoạt động thi

---

<sup>70</sup> Kể từ khi triển khai, áp dụng hệ thống phần mềm thống kê số liệu các loại án đã giúp cho công tác thống kê - tổng hợp số liệu về tình hình thụ lý, giải quyết các loại vụ án của các Tòa án nhân dân được thực hiện 100% trên máy tính; giúp tiết kiệm về thời gian, nguồn lực, chi phí và đảm bảo tính chính xác về số liệu. Tuy nhiên, trong thời gian qua, do việc thay đổi một số Bộ luật, Luật dẫn đến các tiêu chí trong các biểu mẫu thống kê phải thay đổi để phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, trong thời gian tới, phần mềm này phải được chỉnh sửa, nâng cấp để phù hợp với bộ hệ thống biểu mẫu thống kê mới đã được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành áp dụng thống nhất trong các Tòa án nhân dân.

<sup>71</sup> Việc áp dụng phần mềm này đã giúp cho Tòa án nhân dân tối cao xây dựng được hệ cơ sở dữ liệu thống nhất về công tác giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; thông qua phần mềm này, việc phân công Thẩm phán giải quyết đơn được tiến hành theo phương thức ngẫu nhiên; ngoài ra, qua phần mềm này, lãnh đạo các đơn vị, Thẩm phán và Lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao dễ dàng theo dõi được khối lượng công việc và toàn bộ diễn biến quá trình giải quyết đơn.

<sup>72</sup> Phần mềm về công tác tổ chức - cán bộ được đưa vào sử dụng từ năm 2012. Việc triển khai, áp dụng hệ thống phần mềm quản lý cán bộ công chức đã giúp cho lãnh đạo các Tòa án quản lý, lưu trữ, theo dõi, tra cứu được toàn bộ thông tin, dữ liệu, diễn biến quá trình công tác của cán bộ công chức từ khi vào công tác tại Tòa án đến khi về nghỉ hưu hoặc chuyển công tác ra ngoài Tòa án. Tuy nhiên, hiện nay phần mềm này đang không đáp ứng được yêu cầu công tác tổ chức cán bộ trong tình hình mới do thay đổi về mô hình tổ chức và các quy định của pháp luật về công tác quản lý cán bộ; yêu cầu liên kết, tích hợp, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống phần mềm khác.

<sup>73</sup> Hệ thống này đã tạo môi trường làm việc, tương tác giữa các Tòa án mà không bị cản trở bởi khoảng cách địa lý; giúp cán bộ, công chức các Tòa án nhân dân cấp huyện dễ dàng tham dự các cuộc họp, hội nghị, tập huấn do Tòa án nhân dân tối cao tổ chức. Qua hệ thống này, các Tòa án nhân dân dễ dàng và chủ động tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tập huấn trực tuyến vào bất kỳ thời điểm nào. Trung bình hàng năm hệ thống truyền hình hội nghị Tòa án phục vụ hơn 1.200 phiên họp cho Tòa án các cấp, tiết kiệm hàng chục tỷ đồng cho ngân sách nhà nước.

<sup>74</sup> Dự án Koica tài trợ xây dựng từ năm 2019. Đến nay, phần mềm này đang trong giai đoạn chạy thử nghiệm. Dự kiến khi phần mềm này hoàn thiện và đưa vào áp dụng chính thức giúp các Tòa án quản lý, theo dõi được tiến trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi kết thúc được nhanh chóng, chính xác; góp phần nâng cao hiệu quả công tác giải quyết án; là nền tảng cho việc xây dựng hệ thống tố tụng điện tử.

đưa được tổ chức theo các Cụm thi đua và có Đại hội thi đua yêu nước, Hội nghị điển hình tiên tiến các cấp.

Công tác khen thưởng được thực hiện đúng theo Luật Thi đua, khen thưởng và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn của Chính phủ, Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Trung ương; đề ra các giải pháp tăng cường đổi mới, nâng cao chất lượng công tác khen thưởng; chú trọng khen thưởng các tập thể đơn vị nhỏ, công chức, người lao động trực tiếp; ban hành Quy chế khen thưởng đột xuất, tăng cường khen thưởng đột xuất đối với Thẩm phán, công chức lập thành tích xuất sắc trong công tác xét xử các vụ án lớn về tham nhũng, kinh tế, các vụ án điển hình về cải cách tư pháp, được dư luận xã hội quan tâm, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Tòa án nhân dân.

Trung bình mỗi năm, Thường trực Hội đồng Thi đua-Khen thưởng Tòa án nhân dân tiếp nhận và thẩm định trên 4.000 hồ sơ đề nghị khen thưởng các loại (cấp Nhà nước, cấp Tòa án nhân dân tối cao) bảo đảm kịp thời, đúng quy định; không có khiếu nại, tố cáo. Trong phong trào thi đua hằng năm do Tòa án nhân dân các cấp phát động, có hàng nghìn tập thể, cá nhân đã được Chánh án Tòa án nhân dân các cấp và lãnh đạo các địa phương tặng thưởng Bằng khen, Giấy khen, các danh hiệu “Chiến sỹ thi đua”, “Lao động tiên tiến”... do đã lập thành tích xuất sắc đột xuất trong phong trào thi đua. Tòa án nhân dân cũng đặc biệt chú trọng kịp thời khen thưởng đối với nhiều tập thể, cá nhân trong thực hiện 14 giải pháp nâng cao chất lượng công tác xét xử.

Công tác phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến trong phong trào thi đua yêu nước luôn được quan tâm chú trọng; các Tòa án nhân dân xây dựng chương trình, kế hoạch xây dựng điển hình tiên tiến, chú trọng phát hiện các nhân tố mới, gương tập thể, cá nhân điển hình hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua của năm để bồi dưỡng, nhân rộng, thông qua việc báo cáo điển hình tại Hội nghị sơ kết, tổng kết phong trào thi đua hằng năm của các Cụm thi đua và của các Tòa án nhân dân; sửa đổi Quy chế vinh danh Thẩm phán theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình xét tặng, tạo điều kiện cho các Thẩm phán có năng lực chuyên môn giỏi, thực hiện tốt chức trách của người Thẩm phán được vinh danh, tạo động lực để Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp tích cực phấn đấu, nâng cao năng lực chuyên môn, trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống, góp phần nâng cao chất lượng công tác.

## **II. NHỮNG HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC TRONG VIỆC THI HÀNH LUẬT TỔ CHỨC TÒA ÁN NHÂN DÂN NĂM 2014 VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC**

### **2.1. Những hạn chế, vướng mắc**

#### **2.1.1. Về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân**

- Điều 102 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Toà án nhân dân là cơ quan xét xử của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp*”. Tuy nhiên, nội hàm của quyền tư pháp, đặc trưng của quyền tư pháp chưa được làm rõ trong bất kỳ văn bản quy phạm pháp luật nào, cũng như chưa

có văn bản quy phạm pháp luật nào xác định cơ quan tư pháp gồm những cơ quan nào dẫn đến nhận thức của một số tổ chức, cá nhân về vị trí, vai trò của Tòa án trong bộ máy nhà nước còn chưa đúng và không thống nhất; quan niệm về “quyền tư pháp” và những vấn đề liên quan cũng chưa thống nhất. Vẫn còn quan điểm cho rằng, quyền tư pháp trong nhà nước pháp quyền bao gồm không chỉ quyền xét xử của Tòa án, mà còn bao gồm cả thẩm quyền áp dụng pháp luật của các cơ quan bảo vệ pháp luật khác (như cơ quan điều tra, viện kiểm sát, Bộ Tư pháp, Thanh tra ...), thậm chí của cả các cơ quan hỗ trợ tư pháp (như Luật sư, Công chứng, Giám định...) và các hoạt động của tất cả cơ quan, tổ chức này đều nhằm đảm bảo cho việc thực hiện quyền xét xử của Tòa án đạt hiệu quả cao, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, các quyền và tự do của con người, của công dân; trong đó Tòa án được xác định là “cơ quan trung tâm của quyền tư pháp”.

Từ nhận thức chưa rõ tính chất, vai trò, vị trí của Tòa án cũng dẫn tới những nhầm lẫn trong việc quy định các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của Tòa án trong quá trình tiến hành tố tụng, nhất là đặt gánh nặng chứng minh, tìm kiếm, thu thập chứng cứ lên vai Tòa án trong một số trường hợp nhất định. Bên cạnh đó, việc quy định Viện kiểm sát có quyền kiểm sát hoạt động xét xử của Tòa án đã làm ảnh hưởng đến tính độc lập của Tòa án. Thẩm quyền của Tòa án trong việc xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp hạn chế quyền con người, quyền công dân trong các giai đoạn tố tụng, nhất là trong giai đoạn điều tra, truy tố và thi hành án hình sự, dân sự, hành chính còn chưa tương xứng với nhiệm vụ của Tòa án nhân dân đã được Hiến pháp khẳng định là “bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân”.

- Khoản 2 Điều 6 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: *“Bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật mà phát hiện có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới theo quy định của luật tố tụng thì được xem xét lại theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm”*. Tuy nhiên, quy định này chưa làm nổi bật được tính chất của thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm là *“sửa sai đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực của Tòa án có vi phạm pháp luật hoặc có tình tiết mới, bảo vệ hoạt động xét xử và áp dụng thống nhất pháp luật”*. Bên cạnh đó, theo quy định của pháp luật tố tụng thì vi phạm pháp luật phải ở mức độ “nghiêm trọng” mới được xem là căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm<sup>75</sup>. Do vậy, cần bổ sung quy định về việc xem xét lại bản án, quyết định theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm là một nguyên tắc tư pháp trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và các bộ luật, luật về tố tụng.

- Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân. Tuy nhiên, một số nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án chưa được liệt kê cụ thể tại Điều này như: xem xét, quyết định việc đưa người nghiện ma túy từ đủ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi vào cơ

---

<sup>75</sup> Điều 370, 371 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 325, 326 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 254, 255 Luật Tố tụng hành chính.

sở cai nghiện bắt buộc; xem xét, quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng.

- Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khoẻ cộng đồng*”. Quyền quyết định những vấn đề liên quan đến quyền con người là một trong những nội hàm của quyền tư pháp. Tuy nhiên, hiện nay tại Điều 2 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án chưa có quy định về việc Tòa án “*xem xét, quyết định việc hạn chế quyền con người của đương sự, bị can, bị cáo theo quy định của pháp luật*”.

- Về Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia

Điều 70 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia gồm Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, 01 Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án quân sự trung ương, các Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao, 01 đại diện lãnh đạo Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Văn phòng Chủ tịch nước, Bộ Tư pháp, Bộ Quốc phòng, Ban chấp hành Trung ương Hội luật gia Việt Nam. Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là Chủ tịch Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia. Danh sách Ủy viên Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia do Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Quy chế hoạt động của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia do Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy thành phần, chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng tuyển chọn, giám sát Thẩm phán quốc gia chưa bảo đảm khách quan, toàn diện, cần có sự nghiên cứu kỹ lưỡng kinh nghiệm quốc tế và sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn của Việt Nam.

### **2.1.2. Về mô hình tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân**

Về cơ bản, tổ chức Tòa án chưa theo thẩm quyền xét xử, còn gắn với địa giới hành chính một cách chặt chẽ nên còn phụ thuộc vào chính quyền địa phương, điều này dẫn đến một số hạn chế nhất định:

- Do gắn với đơn vị hành chính, nên số lượng Tòa án nhân dân cấp huyện hiện nay là rất lớn (702 Tòa án nhân dân cấp huyện). Với số lượng lớn các Tòa án nhân dân cấp huyện như vậy, việc đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường nguồn lực cho Tòa án nhân dân cấp huyện là một khó khăn, thách thức lớn, trong khi Tòa án nhân dân cấp huyện là nơi giải quyết, xét xử theo thủ tục sơ thẩm trên 80% các loại vụ việc thuộc thẩm quyền của ngành Tòa án nhân dân.

- Do được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp huyện, cấp tỉnh nên trong nhận thức của các ngành, các cấp, các Tòa án nhân dân được coi như một đơn vị chức năng thuộc đơn vị hành chính cùng cấp. Điều này hạ thấp địa vị pháp lý của Tòa án nhân dân, gây khó khăn cho việc xử lý, giải quyết các vấn đề về tổ chức và hoạt động của Tòa án, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện nguyên tắc

độc lập xét xử của Tòa án, nhất là trong việc giải quyết các vụ án hành chính, khi một bên trong vụ án là cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước.

- Tòa án nhân dân cấp huyện được tổ chức dàn trải, số lượng các vụ việc phải giải quyết của mỗi Tòa án phụ thuộc vào đặc điểm dân số, địa lý, mức độ phát triển kinh tế- xã hội, số lượng tội phạm, tranh chấp dân sự, kinh doanh thương mại,... xảy ra trên từng địa bàn, có nơi quá nhiều việc, ngược lại có nơi lại quá ít việc. Các Tòa án nhân dân thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh, các Tòa án nhân dân quận thuộc các thành phố lớn như Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh là những đơn vị luôn phải giải quyết, xét xử số lượng lớn các vụ việc và còn tiếp tục tăng lên (có đơn vị hàng năm phải giải quyết, xét xử trên dưới 3.000 vụ việc các loại); trong khi đó, Tòa án nhân dân cấp huyện ở khu vực miền núi lại có số lượng vụ việc thấp (có Tòa án cấp huyện hàng năm chỉ giải quyết, xét xử trên dưới 100 vụ việc các loại). Thực tế này đang tạo ra những trở ngại, khó khăn trong việc kiện toàn, nâng cao năng lực và chất lượng công tác của các Tòa án cấp huyện. Đối với các Tòa án cấp huyện có khối lượng lớn về công việc thì việc xây dựng đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất luôn luôn là gánh nặng và là vấn đề bức xúc do xuất phát từ yêu cầu phải giải quyết một khối lượng công việc về chuyên môn quá lớn và ngày càng tăng theo đà phát triển kinh tế xã hội ở các địa phương đó. Ngược lại, đối với những Tòa án cấp huyện có khối lượng công việc giải quyết không đáng kể nhưng vẫn phải bố trí đủ cán bộ theo cơ cấu tổ chức bộ máy của Tòa án theo quy định và yêu cầu phải có trụ sở, phương tiện làm việc như các đơn vị khác nên đã gây ra lãng phí không đáng có về nhân lực và vật lực trong việc đầu tư cơ sở vật chất và xây dựng, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án.

- Cơ cấu bộ máy của Tòa án nhân dân cấp huyện hiện nay còn đơn giản, không được tổ chức theo lĩnh vực xét xử, nên khó khăn trong việc đầu tư, đào tạo chuyên ngành cho các Thẩm phán, Chánh án, Phó Chánh án, cán bộ, công chức Tòa án nhân dân cấp huyện, ảnh hưởng đến chất lượng công tác của Tòa án, đặc biệt là công tác giải quyết, xét xử các loại vụ việc đòi hỏi chuyên môn sâu và những kỹ năng nghiệp vụ đặc thù như các vụ việc về đất đai, sở hữu trí tuệ, môi trường, phá sản, kinh doanh thương mại, các vụ việc có liên quan đến gia đình và người chưa thành niên ...

### ***2.1.3. Về tổ chức bộ máy và thẩm quyền của các Tòa án nhân dân***

#### ***a) Tại Tòa án nhân dân tối cao***

- Điều 21 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định Tòa án nhân dân tối cao có cơ cấu tổ chức gồm “Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Bộ máy giúp việc; cơ sở đào tạo, bồi dưỡng” mà không quy định Tòa án nhân dân tối cao có các cơ quan báo chí và đơn vị sự nghiệp khác. Do đó, Nghị quyết số 956/NQ-UBTVQH13 ngày 28/5/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức bộ máy, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị trong bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao đã quy định Báo Công lý, Tạp chí Tòa án thuộc bộ máy giúp việc. Tuy nhiên,

Báo Công lý, Tạp chí Tòa án đều là những đơn vị sự nghiệp công lập có tính chất hoạt động, kinh phí, nhân sự và chức năng, nhiệm vụ khác với những đơn vị khác thuộc bộ máy giúp việc. Vì vậy, việc quy định các cơ quan báo chí (Báo Công lý, Tạp chí Tòa án nhân dân) thuộc bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao là chưa thực sự phù hợp với tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII của Đảng.

- Theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân 2014, Tòa án nhân dân tối cao không tổ chức Tòa chuyên trách, không có các ngạch Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp; giúp việc cho Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là Thẩm tra viên, Thư ký viên của 03 Vụ Giám đốc kiểm tra. Trong điều kiện số lượng đơn khiếu nại tư pháp lớn, với tính chất ngày càng phức tạp và không có xu hướng giảm như hiện nay, thì nguồn nhân sự giúp việc theo Luật thực sự chưa thể đáp ứng được yêu cầu của vị trí công tác. Để thực hiện tốt nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của các Tòa án khác, giám đốc thẩm, tái thẩm đối với các bản án, quyết định của các Tòa án đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng, đòi hỏi nguồn nhân sự phải là những công chức vững vàng về năng lực, chất lượng, giàu kinh nghiệm trong công tác xét xử. Tuy nhiên, để thu hút được đội ngũ Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán sơ cấp từ Tòa án nhân dân các cấp đến công tác tại các Vụ Giám đốc kiểm tra là rất khó khăn.

- Theo Nghị quyết số 956/NQ-UBTVQH13 thì tại Tòa án nhân dân tối cao thành lập 03 Vụ Giám đốc kiểm tra gồm: Vụ Giám đốc, kiểm tra về hình sự, hành chính (Vụ Giám đốc kiểm tra I); Vụ giám đốc kiểm tra về dân sự, kinh doanh - thương mại (Vụ Giám đốc kiểm tra II); Vụ Giám đốc kiểm tra về lao động, gia đình và người chưa thành niên (Vụ Giám đốc kiểm tra III). Trong quá trình thực hiện, căn cứ vào yêu cầu thực tiễn, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đã cân nhắc chuyển nhiệm vụ xem xét, giải quyết văn bản yêu cầu đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực hành chính từ Vụ Giám đốc kiểm tra I sang Vụ Giám đốc kiểm tra III. Tuy nhiên, dù nhiệm vụ xem xét, giải quyết văn bản yêu cầu đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực hành chính do Vụ Giám đốc kiểm tra I hay Vụ Giám đốc kiểm tra III thực hiện thì các Vụ Giám đốc kiểm tra này đều phải giải quyết nhiều loại án có liên quan đến nhiều Luật tố tụng khác nhau, đòi hỏi nguồn nhân sự phải là những công chức vững vàng về năng lực, chất lượng, giàu kinh nghiệm trong công tác xét xử, phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức, trong khi đó án hành chính là loại án khó, phức tạp, số lượng vụ việc phải giải quyết tương đối lớn và ngày càng gia tăng. Do đó, việc ghép chức năng xem xét, giải quyết văn bản yêu cầu đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm về lĩnh vực hành chính vào các Vụ Giám đốc kiểm tra I hay Vụ Giám đốc kiểm tra III là chưa thực sự phù hợp, có thể làm ảnh hưởng tới hiệu quả công tác giám đốc, kiểm tra đối với loại án hành chính này.

*b) Tại Tòa án nhân dân cấp cao*

- Theo quy định tại Điều 29, Điều 30 và Điều 34 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì đơn vị giám đốc kiểm tra của các Tòa án nhân dân cấp



cao là đơn vị có vị trí độc lập ngang với Tòa chuyên trách và Văn phòng, là đơn vị trực thuộc Tòa án nhân dân cấp cao (tương đương với cấp Tổng cục), thực hiện nhiệm vụ giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án cấp huyện và cấp tỉnh. Tại Viện kiểm sát cấp cao thì các đơn vị thực hiện việc giám đốc kiểm tra là các Viện chuyên môn (đơn vị cấp vụ loại II). Tuy nhiên, hiện nay đơn vị giám đốc kiểm tra tại Tòa án nhân dân cấp cao mới được xây dựng là cấp phòng, là chưa tương xứng và phù hợp với quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và chưa bảo đảm tính đồng bộ giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

- Khoản 2 Điều 31 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm: a) Giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị theo quy định của luật tố tụng; b) Thảo luận, góp ý kiến đối với báo cáo của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao về công tác của Tòa án nhân dân cấp cao để báo cáo Tòa án nhân dân tối cao.

Tuy nhiên, việc quy định toàn bộ thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm giao cho Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao là chưa hợp lý, tạo gánh nặng xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm cho Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao.

#### *c) Tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh*

Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 31, khoản 3 Điều 37, Điều 39 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Tòa án nhân dân tỉnh không còn thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm đối với bản án quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện mà thẩm quyền này được giao cho các Tòa án nhân dân cấp cao. Quy định này nhằm giảm đầu mối Tòa án có thẩm quyền giám đốc thẩm, tái thẩm; đồng thời tăng cường tính thống nhất và nâng cao chất lượng công tác giám đốc thẩm, tái thẩm. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân cấp tỉnh trực tiếp thực hiện việc kiểm tra nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cấp huyện. Khi phát hiện có căn cứ cần phải kháng nghị thì Tòa án nhân dân cấp tỉnh chỉ có thẩm quyền kiến nghị kháng nghị dẫn đến không bảo đảm kịp thời. Việc bỏ chức năng giải quyết theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm của Tòa án cấp tỉnh là không phù hợp, điều này không chỉ gây lãng phí nguồn nhân lực chất lượng, giàu kinh nghiệm, tạo thêm thủ tục hành chính và cũng tạo thêm áp lực về khối lượng công việc lên các Tòa án nhân dân cấp cao hiện nay.

#### *d) Tại Tòa án nhân dân cấp huyện*

Theo quy định tại Điều 45 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương còn khá đơn giản, có thể có Tòa hình sự, Tòa dân sự, Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa xử lý hành chính. Trường hợp cần thiết, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định thành lập Tòa chuyên trách khác theo đề nghị

của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Bên cạnh đó, Tòa án nhân dân cấp huyện không được tổ chức theo thẩm quyền xét xử mà vẫn tổ chức theo đơn vị hành chính cấp huyện nên chưa thực sự bảo đảm được nguyên tắc quy định trong Hiến pháp “Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật” và chưa thực hiện đúng chủ trương “tăng thẩm quyền xét xử cho Tòa án nhân dân cấp huyện” theo Nghị quyết số 49/NQ-TW. Vì vậy, một số lượng lớn công việc lẽ ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp sơ thẩm nhưng hiện nay đang phải chuyển cho Tòa án nhân dân cấp tỉnh giải quyết (các vụ án hành chính liên quan đến quyết định hành chính do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp tỉnh ban hành; các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài...). Điều này cũng dẫn tới hệ quả Tòa án cấp huyện được phân bổ ít biên chế, hạn chế việc tổ chức các Tòa chuyên trách, từ đó làm giảm tính chuyên môn hóa trong việc xét xử các loại vụ việc; Thẩm phán không có điều kiện tốt nhất để tích lũy kinh nghiệm và kỹ năng xét xử, từ đó, phần nào ảnh hưởng tới việc nâng cao chất lượng xét xử.

#### *đ) Tại Tòa án quân sự*

Theo quy định tại Điều 32 và Điều 53 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương tổ chức xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm như Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao với Hội đồng xét xử gồm 03 Thẩm phán hoặc toàn thể Ủy ban Thẩm phán. Trong khi đó, khoản 3 Điều 382 Bộ luật Tố tụng hình sự chỉ quy định Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương xét xử giám đốc thẩm bằng Hội đồng toàn thể Ủy ban Thẩm phán mà không quy định xét xử bằng Hội đồng xét xử gồm 03 Thẩm phán là chưa có sự thống nhất trong quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và Bộ luật Tố tụng hình sự.

#### ***2.1.4. Về Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án; chế độ, chính sách đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án***

##### *a) Về đội ngũ Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký*

- Về các ngạch Thẩm phán:

+ Khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định tại Tòa án nhân dân tối cao có Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; tại Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án quân sự trung ương có Thẩm phán cao cấp. Thực tiễn xét xử cho thấy các vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng Thẩm phán đều là những vụ án khó, phức tạp, đòi hỏi những người nghiên cứu, giúp việc cho Hội đồng Thẩm phán phải có trình độ chuyên môn vững vàng, đã có kinh nghiệm xét xử các loại án (như các Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp). Tuy nhiên, thực hiện theo đúng các quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì giúp việc cho Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hiện nay là các Thẩm tra viên thuộc 03 Vụ Giám đốc kiểm tra. Đội ngũ Thẩm tra viên này chủ yếu là những người được tuyển dụng mới, còn có những hạn chế nhất định về kinh nghiệm cũng như trình độ nghiệp vụ, chủ yếu là trên cơ sở lý thuyết, chưa có kỹ năng xét xử để bảo đảm chất lượng công tác định tội, lượng hình, đánh giá về chứng cứ hoặc các vi

phạm tội tọng... Do đó, quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 66 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân là chưa phù hợp với yêu cầu của thực tiễn; không huy động được nguồn nhân lực là các Thẩm phán giàu kinh nghiệm xét xử, có trình độ chuyên môn đến làm việc tại các đơn vị Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao.

Bên cạnh đó, việc quy định Tòa án nhân dân cấp cao không có Thẩm phán trung cấp sẽ không tạo được tính kế thừa trong công tác cán bộ; không thống nhất với quy định Chánh án Tòa án quân sự trung ương là Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khó khăn cho công tác luân chuyển, điều động cán bộ.

+ Khoản 4 Điều 66 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định tại Tòa án nhân dân tỉnh có Thẩm phán cao cấp, Thẩm phán trung cấp và Thẩm phán sơ cấp. Tuy nhiên, pháp luật không quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán sơ cấp công tác tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Thực tế, Tòa án nhân dân tối cao cũng không phân bổ biên chế Thẩm phán sơ cấp công tác tại Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Điều này tạo ra sự không thống nhất trong quy định pháp luật.

- Về nguồn bổ nhiệm Thẩm phán:

+ Điều 69 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, trong đó, quy định đối với người trong hệ thống Tòa án phải: “Đã là Thẩm phán cao cấp từ đủ 05 năm trở lên”. Quy định này đã thu hẹp nguồn bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao từ các Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Bởi vì, theo quy định hiện nay, chỉ có Chánh án và 01 Phó Chánh án (đối với Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh) Tòa án nhân dân cấp tỉnh thì mới được cơ cấu Thẩm phán cao cấp.

+ Theo quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân về nguồn bổ nhiệm Thẩm phán cấp trên có 02 nguồn: nguồn thứ nhất là đã qua công tác xét xử, là Thẩm phán cấp dưới 01 nhiệm kỳ mới được bổ nhiệm lên Thẩm phán cấp trên, nguồn thứ 2 là nếu không qua công tác xét xử thì phải cộng thêm thời gian làm công tác pháp luật lâu hơn, Thẩm phán trung cấp phải có thâm niên từ 13 năm, Thẩm phán cao cấp là 18 năm trở lên. Tuy nhiên, đối với nguồn Thẩm phán tính theo thời gian công tác pháp luật (chưa qua xét xử) thì chỉ được sử dụng trong trường hợp có “*nhu cầu*” cán bộ, tức là không được áp dụng thường xuyên cùng với nguồn từ Thẩm phán cấp dưới. Quy định này là một bất cập khi ở Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp cao không có các ngạch Thẩm phán sơ cấp, trung cấp trong khi không có cơ chế luân chuyển thường xuyên và định kỳ, nên phần nào ảnh hưởng đến tư tưởng của các cán bộ làm công tác chuyên môn tại các đơn vị này, làm hạn chế, thu hẹp diện nguồn Thẩm phán, không tận dụng được những nhân lực có trình độ chuyên môn và không động viên được tinh thần làm việc tại các đơn vị Tòa án nhân dân cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao. Đối với nguồn Thẩm phán lấy từ Thẩm phán cấp dưới: thực hiện công tác rà soát, luân chuyển cán bộ cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc ổn định cuộc sống, ổn định tư tưởng của cán bộ;

các Thẩm phán không muốn chuyển về công tác tại Tòa án nhân dân tối cao vì khi chuyển lên sẽ phải chuyển ngạch từ Thẩm phán sang ngạch Thẩm tra viên, chuyên viên, trong khi đó để được Chủ tịch nước bổ nhiệm Thẩm phán - một chức danh cao quý là cả sự nỗ lực, phấn đấu cống hiến rất nhiều của họ mới đạt được.

- Về điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán:

Khoản 6 Điều 68 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định theo hướng trường hợp người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo các Tòa án nhân dân, tuy chưa đủ thời gian làm công tác pháp luật nhưng có đủ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 67 của Luật này và điều kiện quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm c khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 68 thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán cao cấp. Tuy nhiên, trên thực tế những người đang công tác tại các ngành khác khó có thể đáp ứng tiêu chuẩn đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử tại khoản 3 Điều 67, nếu buộc họ phải có chứng chỉ đào tạo nghiệp vụ xét xử mới được bổ nhiệm thì thiếu tính khả thi.

- Về nhiệm kỳ của Thẩm phán:

+ Điều 74 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định nhiệm kỳ đầu của các Thẩm phán là 05 năm; trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán khác thì nhiệm kỳ tiếp theo là 10 năm. Việc quy định nhiệm kỳ Thẩm phán như hiện hành tuy đã có đổi mới so với trước đây nhưng vẫn cần được cân nhắc thêm vì chưa tạo tâm lý yên tâm công tác cho các Thẩm phán. Trong khi đó, thời gian thực hiện quy trình bổ nhiệm lại tương đối dài. Mặt khác, Luật lại quy định thời gian để nâng ngạch Thẩm phán là 05 năm cũng là quá dài và khó xây dựng nguồn nhân sự trong thực tế...;

+ Nhiệm kỳ của Thẩm phán, quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại còn phụ thuộc vào nhận xét của cấp ủy cùng cấp... gây ảnh hưởng đến tổ chức, hoạt động của Tòa án và việc thực hiện nguyên tắc độc lập xét xử của Thẩm phán, nhất là trong việc giải quyết các vụ án hành chính.

*b) Về số lượng biên chế*

Số lượng biên chế của hệ thống Tòa án được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân bổ từ năm 2012 trên cơ sở căn cứ số lượng vụ việc Tòa án các cấp phải giải quyết là hơn 303.848 vụ việc/năm. Đến nay, số lượng vụ việc phải giải quyết hàng năm đã gần gấp đôi (Năm 2022, Tòa án các cấp thụ lý 567.521 vụ việc, đã giải quyết 504.861 vụ việc) và dự kiến còn tiếp tục tăng trong những năm tới. Trong khi số lượng biên chế chưa đủ theo định biên được phân bổ năm 2012, thay vì được tăng biên chế căn cứ vào công việc thực tế như chủ trương của Đảng thì Tòa án vẫn phải thực hiện tinh giản, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Trong bối cảnh thẩm quyền của Tòa án được mở rộng và số lượng các loại vụ, việc không ngừng tăng lên đã tạo tình trạng không thể chuyên môn hóa Thẩm phán, thiếu Thẩm phán có trình độ, kỹ năng trong việc giải quyết các loại án đặc thù như sở hữu trí tuệ, thương mại quốc tế, phá sản,

môi trường...; hầu hết các Tòa án bị quá tải, phải thường xuyên làm việc, xét xử vào ngày nghỉ để giải quyết công việc kịp thời và đáp ứng thời hạn tố tụng; do áp lực công việc, nhiều Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên đã xin nghỉ việc để tìm kiếm, làm các công việc có mức lương cao và ít áp lực hơn.

*c) Chế độ, chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức Tòa án*

Về chế độ, chính sách, tiền lương đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân vẫn là vấn đề trăn trở, đáng lo ngại, rất bất cập từ xưa đến nay, cụ thể:

- Điều 75 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân đã quy định về một số chế độ, chính sách đối với Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác của Tòa án. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cho thấy, khi thi hành công vụ, Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác phải thường xuyên tiếp xúc nhiều với tội phạm, mặt trái của xã hội, tiềm ẩn rủi ro cao, nhiều nguy hiểm. Nhiều trường hợp bị các đương sự tấn công, chống đối, cản trở việc thực thi nhiệm vụ. Tuy nhiên, đến nay cơ chế, biện pháp đảm bảo an toàn cho các chức danh tư pháp tại Tòa án chưa rõ ràng, chưa có chính sách bù đắp những tổn thất về sức khỏe, tinh thần cho những người bị đương sự xâm phạm, nhất là đội ngũ Thẩm phán tạo tâm lý e ngại cho Thẩm phán, cán bộ, công chức khi thực thi nhiệm vụ, công vụ.

- Khoản 1 Điều 75, khoản 1 Điều 94 quy định *Nhà nước có chính sách ưu tiên về tiền lương, phụ cấp đối với Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án*. Tuy nhiên, hiện nay chế độ chính sách, tiền lương đối với Thẩm phán, cán bộ, công chức Tòa án còn thấp và có nhiều điểm chưa hợp lý như:

+ Bảng lương áp dụng đối với các chức danh tư pháp của Tòa án nhân dân do Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định; tuy nhiên về nội dung thì chế độ, tiền lương của các chức danh tư pháp lại giống với bảng lương dành cho công chức trong các cơ quan hành chính, trong đó, hệ số lương khởi điểm của Thư ký, Thẩm tra viên, Thẩm phán sơ cấp là 2,34; Thẩm phán trung cấp (được bổ nhiệm khi đã là Thẩm phán sơ cấp từ đủ 05 năm trở lên) là 4,40; Thẩm phán cao cấp (được bổ nhiệm khi đã là Thẩm phán trung cấp từ đủ 05 năm trở lên) là 6,20. Việc quy định thang bảng lương của Thẩm phán sơ cấp, Thẩm tra viên, thư ký, chuyên viên có hệ số như nhau là chưa phù hợp, chưa xem xét đến tính đặc thù, vị thế của Thẩm phán và các chức danh tư pháp khác.

+ Về việc hưởng phụ cấp chức danh tư pháp của các Tòa án quân sự chưa thống nhất với Tòa án nhân dân. Tại các Tòa án nhân dân, chế độ với các ngạch Thẩm phán, Thư ký, Thẩm tra viên là khác nhau, nhưng tại các Tòa án quân sự thì Thẩm phán sơ cấp, trung cấp, cao cấp đều hưởng chung một chế độ phụ cấp là 15%; Thư ký và Thẩm tra viên là 10%.

+ Khoản 1 Điều 92 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định có 03 ngạch Thư ký Tòa án là Thư ký viên, Thư ký viên chính và Thư ký viên cao cấp. Tuy nhiên, hiện nay trong thang bảng lương chuyên môn nghiệp vụ của ngành Tòa án lại không quy định bảng lương của Thư ký viên chính và Thư ký viên cao cấp nên thực tiễn hiện nay không thể bố trí nhân sự đã trúng tuyển kỳ thi nâng

ngạch Thư ký viên chính, Thư ký viên cao cấp vào cách ngạch Thư ký viên chính và Thư ký viên cao cấp.

+ Chế độ bồi dưỡng phiên tòa, phiên họp cho Thẩm phán được thực hiện theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTg ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự đến nay đã không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội của đất nước; cần được sửa đổi cho phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội hiện nay.

### **2.1.5. Về Hội thẩm; chế độ, chính sách đối với Hội thẩm**

- Theo quy định tại Điều 1 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì *“Luật này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân; về Thẩm phán, Hội thẩm và các chức danh khác trong Tòa án nhân dân; về bảo đảm hoạt động của Tòa án nhân dân”*.

Hội thẩm là người đại diện cho nhân dân tham gia vào việc xét xử tại Tòa án, không thuộc cơ cấu nhân sự của Tòa án và không do Tòa án quản lý. Việc quy định chế độ Hội thẩm tại một chương riêng trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân (chương VIII) có thể dẫn tới cách hiểu Hội thẩm là một chức danh tư pháp thuộc cơ cấu nhân sự của Tòa án và do Tòa án quản lý, không đúng với bản chất của chế độ Hội thẩm nhân dân. Bên cạnh đó, các quy định của pháp luật về Hội thẩm hiện nay đang nằm rải rác trong nhiều văn bản pháp luật thuộc các lĩnh vực điều chỉnh khác nhau mà chưa được quy định thống nhất trong một văn bản Luật riêng nên gây khó khăn cho việc xác định địa vị pháp lý cũng như thực thi quyền và nghĩa vụ của Hội thẩm.

- Cơ chế Hội thẩm tham gia hoạt động xét xử tại Tòa án còn có bất cập, chưa thực chất, chưa phát huy được vai trò, hiệu quả như mong đợi. Tòa án nhân dân tối cao đã xây dựng Báo cáo kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật về Hội thẩm nhân dân, trong đó có đánh giá về những hạn chế, bất cập và đưa ra đề xuất, kiến nghị riêng.<sup>76</sup>

### **2.1.6. Về việc thực hiện công tác thanh tra, giám sát, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

Công tác kiểm tra, thanh tra, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động công vụ mặc dù đã được tăng cường nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, ở một số đơn vị tiến hành chưa thường xuyên và thực sự hiệu quả, nên chưa phát huy hết tính tích cực của công tác này trong phòng ngừa và răn đe các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức. Việc xử lý các hành vi vi phạm của cán bộ, công chức có lúc, có nơi còn chưa kịp thời, nghiêm minh; chưa đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa chung, đặc biệt là các hành vi những nhiễu, vi phạm kỷ luật công vụ.

### **2.1.7. Về hợp tác quốc tế**

---

<sup>76</sup> Xem Báo cáo số 109/BC-TANDTC ngày 21/12/2022 về kết quả rà soát văn bản quy phạm pháp luật về Hội thẩm nhân dân.

- Nhu cầu hợp tác với nước ngoài của Tòa án Việt Nam phát sinh ngày càng nhiều nhưng số lượng các điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về hình sự, dân sự còn ít, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển mạnh mẽ quan hệ về kinh tế, chính trị, ngoại giao... với Việt Nam. Vì vậy, hoạt động hợp tác quốc tế trong giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự, vụ án hình sự, hành chính có yếu tố nước ngoài còn nhiều khó khăn, các vụ việc chậm được giải quyết, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của công dân Việt Nam. Thẩm phán và cán bộ Tòa án chưa có nhiều kinh nghiệm về pháp luật nước ngoài và năng lực ngoại ngữ còn hạn chế nên khả năng tham gia các Hội nghị, diễn đàn quốc tế không bảo đảm, dẫn tới không phát huy được những lợi ích trong tham gia các hoạt động hợp tác quốc tế về tư pháp.

- Trong giải quyết vụ việc, hoạt động hợp tác quốc tế của Tòa án nhân dân được thực hiện tập trung vào các lĩnh vực như về tố tụng dân sự, về hình sự, về giải quyết yêu cầu dẫn độ của nước ngoài, về giải quyết yêu cầu chuyển giao người đang chấp hành hình phạt tù tại Việt Nam cho nước ngoài, về giải quyết yêu cầu tiếp nhận người đang chấp hành hình phạt tù ở nước ngoài về Việt Nam... Các hoạt động này được Tòa án nhân dân tiến hành trên cơ sở quy định của pháp luật tố tụng, pháp luật tương trợ tư pháp, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và theo con đường ngoại giao đối với những nước chưa cùng với Việt Nam là thành viên điều ước quốc tế trong lĩnh vực này. Những hoạt động này đang được thực hiện ngày càng hiệu quả và sẽ gia tăng ngày càng nhiều tuy nhiên việc đánh giá vai trò của hoạt động hợp tác quốc tế chưa được ghi nhận đúng mức, nhiệm vụ, quyền hạn của Tòa án nhân dân trong các hoạt động hợp tác quốc tế về các lĩnh vực này chưa được ghi nhận cụ thể trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân qua các thời kỳ cũng như Luật Tổ chức Tòa án nhân dân hiện hành.

### **2.1.8. Về việc thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng**

Nguồn kinh phí đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế, cơ sở vật chất còn thiếu. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ kế cận, nhất là đội ngũ Thư ký, Thẩm tra viên để bổ nhiệm chức danh Thẩm phán còn rất khó khăn, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc đào tạo, bồi dưỡng Thẩm phán theo hướng chuyên môn hóa từng lĩnh vực chưa được chú trọng. Cán bộ, công chức Tòa án hiện nay còn yếu về trình độ ngoại ngữ nhưng chưa được chú trọng đào tạo, bồi dưỡng về lĩnh vực này.

### **2.1.9. Về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động của các Tòa án nhân dân**

- Khoản 1 Điều 96 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân quy định “*Kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Tòa án nhân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương do Chính phủ trình Quốc hội quyết định sau khi thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao. Trường hợp Chính phủ và Tòa án nhân dân tối cao không thống nhất về dự toán kinh phí hoạt động của Tòa án nhân dân thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kiến nghị Quốc hội xem xét, quyết định*”. Tòa án là hệ thống cơ quan độc lập với cơ quan lập pháp, hành

pháp, không thuộc Chính phủ, không phải cơ quan ngang bộ, ngành. Tuy nhiên, cơ chế phân bổ ngân sách cho Tòa án lại được thực hiện như các cơ quan hành chính, phụ thuộc vào Chính phủ dẫn đến kéo dài quá trình trình, phê duyệt ngân sách, hạn chế việc chủ động quản lý, sử dụng ngân sách của Tòa án trong triển khai các nhiệm vụ. Đặc biệt, cơ chế này cũng dẫn đến nhận thức sai về vai trò của Tòa án, ảnh hưởng đến tính độc lập của Tòa án.

- Định mức phân bổ kinh phí cho Tòa án đã có chính sách ưu tiên đối với nhóm cơ quan có tính đặc thù, quản lý theo ngành dọc. Tuy nhiên, việc bố trí định mức chi thường xuyên cho Tòa án giống như các cơ quan tham gia thực hiện một số hoạt động tổ tụng khác là không phù hợp. Tòa án có vị trí trung tâm, quyết định cuối cùng trong các hoạt động tổ tụng và xét xử là hoạt động trọng tâm của cải cách tư pháp; đồng thời, việc xét xử công khai các vụ việc theo luật định sẽ dẫn đến việc tập trung của các bên tiến hành tổ tụng, tham gia tổ tụng, cơ quan thông tấn báo chí và người dân quan tâm... tại trụ sở Tòa án. Đồng thời, việc Tòa án được giao thêm các thẩm quyền, hoạt động mới dẫn đến nhu cầu tăng không gian, diện tích làm việc. Do vậy, ngoài diện tích phòng làm việc cho cán bộ Tòa án, trụ sở Tòa án phải bố trí thêm các hội trường xét xử và các phòng chức năng phụ trợ, nên diện tích cần được quy hoạch rộng hơn hiện tại mới đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, chi phí vận hành, duy trì bảo dưỡng trụ sở và phục vụ hoạt động của Tòa án nhân dân các cấp sẽ cao hơn các cơ quan tư pháp khác.

- Các nội dung kinh phí mang tính đặc thù phục vụ xét xử, tập huấn nghiệp vụ, bồi dưỡng cho các đối tượng thi hành tổ tụng tại phiên tòa, chi phí vận hành hạ tầng công nghệ thông tin... mặc dù được Tòa án nhân dân tối cao xây dựng trong dự toán hằng năm, nhưng do điều kiện ngân sách khó khăn không được Chính phủ và Bộ Tài chính bố trí đủ hoặc bị cắt giảm.

- Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, các Tòa án nhân dân không được giao kinh phí dự phòng trong năm và khi phân bổ giao ngân sách cho các đơn vị dự toán cấp dưới cũng phải thực hiện phân bổ hết (không được để lại dự phòng để giao sau). Thực tế hoạt động của các Tòa án nhân dân đến tất cả các quận huyện, các phát sinh trong năm là thường xuyên (do thiên tai, do bổ sung nhiệm vụ,...) nhưng kinh phí được ngân sách nhà nước cấp phải giao hết từ đầu năm, vì vậy trong điều hành ngân sách thiếu tính chủ động khi có các nhiệm vụ mới phát sinh phải báo cáo Bộ Tài chính, Chính phủ để được giải quyết nhiều lúc không kịp thời so yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

- Các chế độ chi cho con người, chi cho các nhiệm vụ đặc thù chậm được điều chỉnh cho phù hợp thực tế (chế độ bồi dưỡng phiên tòa cho Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm... theo Quyết định số 41/2012/QĐ-TTG ngày 05/10/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ bồi dưỡng đối với người tham gia phiên tòa, phiên họp giải quyết việc dân sự chậm được sửa đổi) do Chính phủ tạm dừng ban hành, sửa đổi, bổ sung các chế độ, chính sách tiền lương hiện hành trong thời gian xây dựng quy định chế độ tiền lương mới để thực



hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21/5/2018 của Hội nghị Trung ương 7 khóa XII).

- Hầu hết trang thiết bị làm việc được trang cấp từ lâu và có tần suất sử dụng cao do lượng án thụ lý, xét xử lớn, người dân đến tham dự phiên tòa đông; nhiều tài sản đã hết khấu hao, hư hỏng, xuống cấp; số lượng xe ô tô hiện có chưa đáp ứng được nhu cầu công vụ<sup>77</sup>. Trong quá trình thi hành công vụ, các Tòa án nhân dân cấp huyện chưa được trang bị xe ô tô phải đi thuê phương tiện bên ngoài, việc thuê xe thường xuyên bị động và không đảm bảo an toàn về người và tài liệu, đã gây nhiều khó khăn cho các đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Một số địa phương không thống nhất quan điểm xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư, từ đó dẫn đến tình trạng một số cơ sở nhà, đất đang bỏ trống, không sử dụng hoặc sử dụng không có hiệu quả nhưng không được bán, gây lãng phí về tài sản. Đối với cơ sở nhà, đất được Bộ Tài chính hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, thực tế khi triển khai vướng rất nhiều quy định, thủ tục trước khi tổ chức bán đấu giá, dẫn đến việc tổ chức triển khai bán còn chậm, không kịp thời, không đảm bảo thời gian quy định, chưa phát huy được nguồn lực từ việc sắp xếp, bán trụ sở dôi dư.

- Hệ thống Tòa án nhân dân có hơn 20% phòng xử án vẫn đang là nhà cấp 4, trên 50% đã được xây dựng từ 2002, có những trụ sở được xây dựng từ đầu những năm 1990, nên đã xuống cấp trầm trọng, có diện tích chật hẹp, không đảm bảo an toàn, không đáp ứng được các quy định hiện hành của pháp luật tố tụng và yêu cầu thực tiễn của công tác xét xử trong giai đoạn hiện nay cũng như trong thời gian tới... gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả, tiến độ thụ lý, giải quyết các loại vụ án, vụ việc của Tòa án nhân dân. Kinh phí bảo trì, sửa chữa hằng năm còn nhiều hạn chế, chỉ đáp ứng được khoảng 35% yêu cầu. Do vậy, các trụ sở làm việc và hệ thống phòng xét xử tới niên hạn cần sửa chữa còn gặp nhiều khó khăn. Kinh phí chỉ đủ để khắc phục tạm thời các hư hỏng nhỏ, chưa thể giải quyết, khắc phục được triệt để những hạng mục hư hỏng, xuống cấp lớn.

- Việc bố trí cơ sở vật chất, kinh phí phục vụ thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án gặp nhiều khó khăn, không bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật về phòng hòa giải.

- Đối với công tác may sắm trang phục cho cán bộ công chức, thẩm phán của hệ thống, do đơn giá các chủng loại trang phục từ năm 2013 đến nay không thay đổi, vẫn giữ nguyên, trong khi đó giá cả hàng hóa trên thị trường liên tục tăng cao nên gây ảnh hưởng nhiều đến chất lượng trang phục.

- Về nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư công nhà nước phân bổ cho hệ thống Tòa án nhân dân hàng năm và trong giai đoạn trung hạn 2016-2020 chỉ đáp ứng khoảng 50% yêu cầu đầu tư. Trong các báo cáo xây dựng kế hoạch

---

<sup>77</sup> Hiện toàn hệ thống Tòa án có 740/1.032 xe theo định mức của toàn hệ thống Tòa án.

đầu tư công giai đoạn 2016-2020, còn nhiều trụ sở Tòa án nhân dân đề xuất đầu tư mới nhưng do nguồn vốn đầu tư công bố trí còn hạn hẹp nên các dự án này chưa được đầu tư. Việc huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách trung ương để đầu tư xây dựng trụ sở Tòa án nhân dân các cấp gặp nhiều khó khăn.

- Quy mô trụ sở Tòa án nhân dân các cấp thay đổi theo quy định mới của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân và các đạo luật tố tụng dẫn đến tổng mức đầu tư của các dự án tăng so với giai đoạn trước: Theo quy định từ năm 2015 trở về trước, các dự án của hệ thống Tòa án nhân dân triển khai chỉ đầu tư trung bình từ 03 đến 04 phòng xử án đối với dự án xây dựng Tòa án cấp tỉnh; 02 đến 03 phòng xử án đối với dự án xây dựng Tòa án cấp huyện và các phòng chức năng đi kèm bao gồm phòng nghị án, phòng lưu phạm, phòng công an. Các phòng xét xử án hình sự, dân sự, hành chính, kinh tế, hôn nhân và gia đình chưa có sự phân biệt về cơ cấu, mô hình, số lượng người tham gia tố tụng.

Kể từ khi Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và các đạo luật tố tụng mới được ban hành, cơ cấu tổ chức trong công tác xét xử đã thay đổi để phù hợp với từng loại vụ việc; dẫn đến sự phân biệt về mô hình, cơ cấu công năng các phòng xét xử án hình sự, dân sự, kinh doanh thương mại, lao động và hành chính, gia đình và người chưa thành niên (theo Thông tư số 01/2017/TT-TANDTC ngày 28/7/2017 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về quy định về phòng xét xử). Do đó, tùy theo lượng án phải xử lý hàng năm, mỗi Tòa án nhân dân phải có tối thiểu 01 phòng xét xử án hình sự, 01 phòng xét xử án dân sự, 01 phòng xét xử án hành chính, lao động, 01 phòng xét xử án gia đình và người chưa thành niên. Ngoài ra, theo quy định của pháp luật về điều tra, xét xử, quy định về trình tự tố tụng, quy định về xử lý vi phạm hành chính đối với hành vi cản trở hoạt động tố tụng... đều đề cập vấn đề bảo vệ người làm chứng, bảo đảm tính khách quan, tách bạch giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia tố tụng, bảo đảm việc tranh tụng tại Tòa án, bảo đảm phong tạm giữ người vi phạm... thì việc phải bổ sung thêm các phòng chức năng khác ngoài phòng xét xử là thực sự cần thiết.

Bên cạnh đó, để đảm bảo tính thân thiện trong việc xét xử các vụ án ly hôn và người chưa thành niên cần có phòng xét xử thân thiện<sup>78</sup>; phòng hòa giải, đối thoại<sup>79</sup>, do đó nhu cầu về quy mô hiện tại của trụ sở Tòa án nhân dân các cấp lớn hơn so với giai đoạn trung hạn 2016-2020, dẫn đến tổng mức của các dự án tăng, yêu cầu về vốn đầu tư lớn hơn so với các giai đoạn trước, cần tăng tiêu chuẩn, định mức trụ sở làm việc cho các Tòa án mới đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

- Trụ sở Tòa án bị xuống cấp và thay đổi vị trí theo quy hoạch: hiện nay trong hệ thống Tòa án nhân dân còn rất nhiều trụ sở làm việc được xây từ những năm đầu 1990 đang bị xuống cấp nghiêm trọng, lượng án tăng, thiếu

---

<sup>78</sup> Theo Thông tư 02/2018/TT-TANDTC ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân tối cao quy định chi tiết việc xét xử vụ án hình sự có người tham gia tố tụng là người dưới 18 tuổi thuộc thẩm quyền của Tòa Gia đình và Người chưa thành niên.

<sup>79</sup> Theo Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (Luật số 58/2020/QH14) có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.

phòng xét xử, cần phải được xây mới. Ngoài ra, do mô hình trụ sở Tòa án hai cấp có nhu cầu về diện tích đất lớn nên một số vùng miền núi khó bố trí, một số nơi phải thay đổi quy hoạch, vị trí mới đáp ứng được diện tích đất.

- Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện dự án: Theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, công tác quản lý dự án các công trình xây dựng trụ sở làm việc sử dụng ngân sách nhà nước thuộc hệ thống Tòa án nhân dân phải do Ban Quản lý dự án chuyên ngành của Tòa án án nhân dân tối cao thực hiện. Tuy nhiên, do biên chế bị cắt giảm theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, Tòa án nhân dân tối cao chưa thành lập được Ban Quản lý dự án chuyên ngành. Chủ đầu tư là các Tòa án địa phương phải ủy thác cho Ban Quản lý dự án chuyên ngành của các địa phương quản lý dự án. Việc ủy thác cho Ban quản lý dự án địa phương để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện dự án chưa kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của một số dự án và kết quả giải ngân theo kế hoạch. Chủ đầu tư vừa làm công tác chuyên môn, vừa kiêm nhiệm công tác quản lý vốn nên hạn chế về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện. Một số đơn vị chưa chủ động triển khai thực hiện khi được giao kế hoạch; không chủ động đề xuất điều chuyển vốn khi không có khả năng thực hiện hết kế hoạch, để dồn vào thời điểm cuối năm mới điều chỉnh.

#### ***2.1.10. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án nhân dân***

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án còn chưa đáp ứng được yêu cầu công tác của Tòa án, cụ thể:

- Về cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin của Tòa án các cấp: tính đến thời điểm hiện nay, ngoại trừ Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được đầu tư trang bị cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin cơ bản, các Tòa án còn lại hạ tầng công nghệ thông tin còn rất hạn chế; phòng xét xử chưa được trang bị đầy đủ thiết bị công nghệ thông tin; hệ thống mạng nội bộ kết nối bằng Internet, không có máy chủ quản lý và thiết bị bảo mật nên nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin dữ liệu cao.

- Về nguồn nhân lực công nghệ thông tin: nguồn nhân lực về công nghệ thông tin của Tòa án địa phương còn thiếu và yếu; chủ yếu là kiêm nhiệm, không ổn định nên ảnh hưởng rất lớn đến công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; chế độ chính sách chưa thu hút được lao động có trình độ công nghệ. Địa vị pháp lý của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của Tòa án nhân dân tối cao là đơn vị cấp phòng cũng chưa ngang tầm với nhiệm vụ và mục tiêu xây dựng Tòa án điện tử trong thời gian tới.

- Về nền tảng pháp lý: nhiều hoạt động tố tụng chưa được luật quy định theo hướng cho phép ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện. Ví dụ: ngoài đơn khởi kiện thì chưa quy định nộp bằng hình thức trực tuyến đối với các đơn khác (đơn kháng cáo, đơn yêu cầu, đơn đề nghị giám đốc thẩm, tái thẩm...);

chưa quy định đầy đủ về việc sử dụng hồ sơ điện tử, chữ ký điện tử, chứng cứ điện tử...

### **2.1.11. Về công tác thi đua khen thưởng**

- Nhiệm vụ của các Phòng chức năng trong Đơn vị còn có sự chồng chéo, biên chế được giao chưa đủ để đáp ứng yêu cầu khối lượng công việc ngày càng tăng trong giai đoạn hiện nay.

- Đời sống công chức còn khó khăn, nhất là công chức trẻ, ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả hoạt động công vụ nói chung, chưa khai thác cũng như phát huy được đầy đủ sở trường, năng lực của công chức.

- Một số cơ quan, đơn vị tổ chức phát động phong trào thi đua còn chung chung, hình thức, chưa có tiêu chí, chỉ tiêu thi đua cụ thể, rõ ràng hoặc không gắn với chức năng, nhiệm vụ chuyên môn, đặc điểm tình hình của cơ quan, đơn vị. Việc sơ kết, tổng kết, gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện phong trào thi đua về Tòa án nhân dân tối cao còn chậm, chưa kịp thời. Do đó, chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua đối với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác chuyên môn còn hạn chế. Một số cơ quan, đơn vị chưa hoàn thành đạt chỉ tiêu thi đua về công tác chuyên môn trên một số lĩnh vực công tác cụ thể.

- Công tác khen thưởng còn tập trung nhiều vào cán bộ lãnh đạo, quản lý. Số lượng công chức, viên chức, người lao động trực tiếp được khen thưởng tuy có chuyên biến nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

- Công tác xây dựng điển hình tiên tiến cũng như tuyên truyền vẫn còn hạn chế. Chưa có nhiều gương điển hình tiên tiến, mô hình mới, nhân tố mới được phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân rộng.

### **2.2. Nguyên nhân của những hạn chế, vướng mắc**

Về những hạn chế, bất cập nêu trên, bên cạnh những nguyên nhân khách quan như: nhiệm vụ mà Tòa án được giao ngày càng nặng nề; cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của các Tòa án còn khó khăn, thiếu thốn; đòi hỏi của nhân dân và xã hội đối với công tác Tòa án ngày càng cao; tình hình diễn biến tội phạm và những tranh chấp phát sinh trong xã hội ngày càng phức tạp; sự phối hợp trong công tác của các cơ quan hữu quan với Tòa án còn có những bất cập, thì nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Tòa án các cấp xuất phát từ các quy định của pháp luật hiện hành về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Tòa án từng cấp còn chưa hợp lý, chưa tạo được cơ sở pháp lý, cơ chế và điều kiện thuận lợi để các Tòa án thực hiện có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ được giao. Đáng lưu ý, việc Hiến pháp, Luật tổ chức Tòa án nhân dân đã quy định Tòa án là cơ quan thực hiện quyền tư pháp, nhưng những thiết chế về chế độ chính sách vẫn chưa được quan tâm và đáp ứng đúng với chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân nên thực tiễn địa vị chính trị của Tòa án nhân dân trong hệ thống chính trị vẫn chưa thực sự được thể hiện rõ. Từ đó, việc xử lý các vấn đề về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức và bảo đảm cơ sở vật chất cho hoạt động của Tòa án, chế độ, chính sách cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ, công chức Tòa án còn nhiều bất cập, không tương xứng với vị trí, vai trò của cơ

quan Tòa án trong bộ máy nhà nước, chưa đáp ứng được các nguyên tắc cơ bản về tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo tinh thần cải cách tư pháp.

### **III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở đánh giá những kết quả đạt được, những hạn chế, vướng mắc và nguyên nhân cần đưa ra các đề xuất, kiến nghị, tập trung vào một số nội dung trọng tâm như sau:

#### **3.1. Hoàn thiện Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật**

##### **3.1.1. Về chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Tòa án**

a) Đề nghị bổ sung các quy định về nội hàm quyền tư pháp; đặc trưng cơ bản của quyền tư pháp; cơ quan tư pháp; các nguyên tắc tư pháp, cụ thể như sau:

- Bổ sung quy định về nội hàm quyền tư pháp theo hướng: *Quyền tư pháp bao gồm quyền xét xử và phán quyết; quyền tổng kết thực tiễn xét xử, bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; quyền xây dựng và phát triển án lệ; quyền giám sát thi hành án; quyền quyết định những vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân; quyền quyết định tính hợp hiến, hợp pháp của văn bản quy phạm pháp luật.*

- Bổ sung quy định về đặc trưng cơ bản của quyền tư pháp theo hướng: *Quyền tư pháp có 06 đặc trưng cơ bản sau: (1) Được thực hiện bởi các Tòa án độc lập chỉ tuân theo pháp luật; (2) Được thực hiện theo một quy trình tố tụng nghiêm ngặt; (3) Có hiệu lực bắt buộc mà các tổ chức, cá nhân phải nghiêm chỉnh chấp hành; (4) Được bảo đảm thi hành bằng quyền lực nhà nước trong phạm vi toàn quốc bởi cơ quan thi hành án chuyên trách; (5) Phán quyết tư pháp không bị thay đổi tùy tiện trừ khi bị chính Tòa án thay đổi, huỷ bỏ theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định; (6) Phán quyết tư pháp khi đã tuân thủ đầy đủ quy trình tố tụng nhưng có sai sót không phải do lỗi chủ quan thì được miễn trừ trách nhiệm; chỉ bị kháng cáo, kháng nghị.*

- Bổ sung quy định về Cơ quan tư pháp theo hướng Tòa án nhân dân là cơ quan tư pháp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là chủ thể duy nhất thực hiện quyền tư pháp;

- Sửa đổi quy định về một số nguyên tắc tư pháp như nguyên tắc bảo đảm tính độc lập của Tòa án trong tổ chức và hoạt động; Nguyên tắc bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm để làm rõ nội hàm của các nguyên tắc tư pháp nêu trên.

- Bổ sung một số nguyên tắc tư pháp như: Bảo đảm hiệu lực của bản án, quyết định của Tòa án; Bản án, quyết định của Tòa án chỉ bị thay đổi, huỷ bỏ bởi Tòa án theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục luật định; Xem xét lại bản án, quyết định theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm; Miễn trừ trách nhiệm khi ra bản án, quyết định có sai sót không phải do lỗi chủ quan; Trách nhiệm

chứng minh và bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong các vụ việc dân sự, vụ án hành chính.

*b) Nghiên cứu việc thành lập Hội đồng Tư pháp quốc gia*

Nghiên cứu, bổ sung quy định về địa vị pháp lý, chức năng, nhiệm vụ, thành phần, nguyên tắc hoạt động của Hội đồng Tư pháp Quốc gia theo hướng:

- Hội đồng Tư pháp Quốc gia có nhiệm vụ xây dựng chiến lược phát triển Tòa án nhân dân; xây dựng chế độ, chính sách cho Thẩm phán Tòa án nhân dân và các chức danh tư pháp khác; thực hiện việc tuyển chọn, giám sát, khen thưởng, kỷ luật Thẩm phán Tòa án nhân dân.

- Hội đồng Tư pháp Quốc gia do Chủ tịch nước là Chủ tịch Hội đồng, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao là Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên gồm đại diện lãnh đạo một số Ủy ban của Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Văn phòng Chủ tịch nước, Ban Chấp hành Trung ương Hội Luật gia Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án quân sự trung ương và các Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao.

*c) Hoàn thiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của các Tòa án nhân dân theo hướng như sau:*

- Xác định thẩm quyền của Tòa án theo cấp xét xử, theo đó, phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm mà không theo cấp hành chính như hiện nay, cụ thể:

+ Cấp xét xử sơ thẩm: có nhiệm vụ xem xét, đánh giá toàn diện các tài liệu, chứng cứ để xác định tình tiết, sự thật, tính có căn cứ của vụ án và áp dụng pháp luật. Bổ sung và làm rõ nội hàm của nhiệm vụ xác định sự thật của vụ án, theo đó, Tòa án có nhiệm vụ xác định các tình tiết, sự thật, tính có căn cứ của vụ án; loại trừ các yếu tố không phải sự thật của vụ án; xem xét đủ hay không đủ điều kiện, tiêu chí để khẳng định sự thật vụ án, trên cơ sở đó để ra phán quyết.

+ Cấp xét xử phúc thẩm: có nhiệm vụ giải quyết vướng mắc về xác định sự thật và áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm.

- Hoàn thiện quy định về thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm, theo đó cấp giám đốc thẩm chỉ xem xét lại việc áp dụng pháp luật của cấp sơ thẩm, phúc thẩm mà không thu thập tài liệu, chứng cứ. Quy định chặt chẽ hơn nữa căn cứ kháng nghị, phạm vi xét xử giám đốc thẩm chỉ hướng tới giải quyết những vụ án có ảnh hưởng lớn trong xã hội, vụ án có vấn đề nghiêm trọng về áp dụng pháp luật; hạn chế giám đốc thẩm, tái thẩm, bảo đảm tố tụng có điểm dừng và không bị lạm dụng trở thành một cấp xét xử thứ ba. Bỏ thủ tục xem xét lại quyết định của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác lập điểm dừng trong xét xử, để bảo đảm bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành, tránh thủ tục tố tụng kéo dài, không thể kết thúc dẫn đến nhiều hệ lụy, làm mất lòng tin của người dân và xã hội vào cơ quan tiến hành tố tụng.

- Bổ sung nhiệm vụ *xem xét, quyết định việc hạn chế quyền con người của đương sự, bị can, bị cáo theo quy định của luật* cho Tòa án .

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân cấp cao theo hướng: Tòa án nhân dân cấp cao có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm vụ việc mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng cáo, kháng nghị; xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân sơ thẩm và Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt thuộc phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ bị kháng nghị.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân phúc thẩm theo hướng: Tòa án nhân dân phúc thẩm có nhiệm vụ chính yếu là xét xử phúc thẩm các vụ án của Tòa án nhân dân sơ thẩm bị kháng cáo, kháng nghị.

- Sửa đổi, bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân sơ thẩm theo hướng: Tòa án nhân dân sơ thẩm có nhiệm vụ giải quyết, xét xử sơ thẩm các vụ việc theo quy định của pháp luật, trừ các vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt.

- Bổ sung quy định về chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt theo hướng: Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt có chức năng, nhiệm vụ xét xử sơ thẩm các loại vụ việc đặc thù theo từng lĩnh vực (sở hữu trí tuệ, hành chính, phá sản, môi trường).

- Cân nhắc quy định cụ thể về việc tổ chức xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm của Ủy ban Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương bằng Hội đồng xét xử gồm 03 Thẩm phán theo quy định tại Điều 32, Điều 53 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

### **3.1.2. Về tổ chức bộ máy của các Tòa án**

Sửa đổi, bổ sung quy định về tổ chức bộ máy của Tòa án nhân dân theo hướng: Hệ thống Tòa án được tổ chức theo thẩm quyền xét xử, gồm: Tòa án nhân dân tối cao; Tòa án nhân dân cấp cao; Tòa án nhân dân phúc thẩm; Tòa án nhân dân sơ thẩm, Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt; Tòa án quân sự. Trong đó:

- Tòa án nhân dân tối cao về cơ bản vẫn giữ nguyên cơ cấu tổ chức như hiện hành nhưng có kiện toàn, tổ chức lại bộ máy giúp việc cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

- Tòa án nhân dân cấp cao được tổ chức trên cơ sở các Tòa án nhân dân cấp cao hiện tại, có bổ sung quy định về việc thành lập thêm các Tòa chuyên trách về Sở hữu trí tuệ, Môi trường, Phá sản để xét xử theo thủ tục phúc thẩm đối với các vụ án của Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt bị kháng cáo, kháng nghị.

- Tòa án nhân dân phúc thẩm được tổ chức tại 63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, trên cơ sở bổ sung, điều chỉnh một cách thích hợp chức

năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hiện nay.

- Tòa án nhân dân sơ thẩm được tổ chức tại các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh trên cơ sở bổ sung, điều chỉnh một cách thích hợp chức năng, nhiệm vụ của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh hiện nay. Tòa án nhân dân sơ thẩm có Tòa chuyên trách và Tòa giản lược. Tòa giản lược có nhiệm vụ xét xử sơ thẩm những vụ án hình sự ít nghiêm trọng, sự việc phạm tội đơn giản, chứng cứ rõ ràng, hành vi phạm tội bị bắt quả tang hoặc người đó tự thú và có nơi cư trú, lý lịch rõ ràng; Xét xử sơ thẩm các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, lao động có giá trị không lớn theo quy định của pháp luật; Xem xét, quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật; Giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật.

- Tòa án nhân dân sơ thẩm chuyên biệt được tổ chức theo địa hạt pháp lý nhiều tỉnh, thành phố tùy thuộc vào khối lượng công việc của mỗi loại vụ việc, gồm: Tòa án nhân dân sơ thẩm Sở hữu trí tuệ, Tòa án nhân dân sơ thẩm hành chính, Tòa án nhân dân sơ thẩm Phá sản, Tòa án nhân dân sơ thẩm Môi trường.

### **3.1.3. Về Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án; chế độ, chính sách đối với Thẩm phán và cán bộ, công chức Tòa án**

#### *a) Đối với chức vụ Chánh án, Phó Chánh án*

Khoản 1 Điều 28 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định: “*Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao được Chủ tịch nước bổ nhiệm trong số các Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao*”.

Tuy nhiên, tại các quy định khác của Luật về Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao (Điều 35), Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao (Điều 36), Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh (Điều 42), Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh (Điều 43), Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện (Điều 47), Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện (Điều 48), đều không quy định rõ các chức vụ này phải là Thẩm phán.

Khoản 1 Điều 31 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 còn quy định: “*Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm Chánh án, các Phó Chánh án là Thẩm phán cao cấp và một số Thẩm phán cao cấp do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định theo đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao*”.

Như vậy, quy định của Luật là chưa rõ ràng và chưa có sự thống nhất. Cần quy định rõ các chức vụ Chánh án, Phó Chánh án phải gắn với chức danh Thẩm phán.

#### *b) Đối với thẩm phán*

- Cơ cấu Thẩm phán



+ Đổi mới cơ cấu ngạch, bậc Thẩm phán theo hướng, Thẩm phán bao gồm Thẩm phán tối cao, Thẩm phán và Thẩm phán tập sự. Trong đó, Thẩm phán tối cao do Quốc hội bầu, Thẩm phán do Chủ tịch nước bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; Thẩm phán tập sự do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao bổ nhiệm. Sửa đổi Điều 65 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 theo hướng làm rõ khái niệm Thẩm phán, theo đó, Thẩm phán không chỉ thực hiện nhiệm vụ xét xử, mà còn thực hiện các nhiệm vụ khác như nghiên cứu vụ, việc để phục vụ xét xử, phát triển án lệ, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật...

+ Đề nghị sửa đổi Điều 66 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 theo hướng, Thẩm phán các ngạch, bậc được bố trí ở tất cả các cấp Tòa án (ngoại trừ Thẩm phán tối cao), để bảo đảm thu hút những cán bộ có năng lực, kinh nghiệm xét xử làm nhiệm vụ tại Tòa án nhân dân tối cao; cũng như đảm bảo tính kế thừa trong công tác cán bộ.

+ Đề nghị sửa đổi Điều 69 quy định điều kiện bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Đã là Thẩm phán cao cấp từ đủ 05 năm trở lên hoặc đã là Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân cấp tỉnh trở lên”.

- Công tác tuyển chọn và bổ nhiệm Thẩm phán

+ Mở rộng nguồn để bổ nhiệm Thẩm phán, không chỉ giới hạn trong số cán bộ, công chức của Tòa án mà cần hướng tới những chuyên gia pháp lý trong các lĩnh vực chuyên biệt như sở hữu trí tuệ, phá sản, thương mại quốc tế... để đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

+ Đề nghị cân nhắc sửa đổi khoản 6 Điều 68 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 theo hướng trong trường hợp đặc biệt, người được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền điều động đến để đảm nhiệm chức vụ lãnh đạo các Tòa án nhân dân, tuy chưa đủ thời gian làm công tác pháp luật nhưng có đủ các tiêu chuẩn quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5 Điều 67 của Luật này và điều kiện quy định tại điểm b khoản 1, điểm b khoản 2, điểm c khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 68 thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán và sẽ được tạo điều kiện thuận lợi để được đào tạo nghiệp vụ xét xử sớm nhất (nếu chưa được đào tạo).

+ Nghiên cứu đổi mới quy trình bổ nhiệm đối với từng ngạch Thẩm phán. Xây dựng cơ chế đánh giá Thẩm phán khoa học, hợp lý, khách quan, coi kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng trong việc nâng ngạch, bậc Thẩm phán.

- Chế độ, chính sách

+ Đề nghị cân nhắc sửa đổi Điều 74 Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 theo hướng bổ nhiệm Thẩm phán không có nhiệm kỳ (bổ nhiệm suốt đời) nhằm tạo điều kiện cho Thẩm phán trau dồi kinh nghiệm, kỹ năng xét xử. Đối với những Thẩm phán không đủ điều kiện đã có quy định về cách chức Thẩm phán theo quy định tại Điều 82 của Luật.

+ Thẩm phán là một nghề đặc thù, không chỉ tiềm ẩn nhiều nguy hiểm mà còn là nghề có nhiều cám dỗ, dẫn đến làm thay đổi sự thật của vụ án. Nhưng bảng lương chuyên môn nghiệp vụ của Thẩm phán được xếp tương đương với bảng lương công chức hành chính, là chưa tương xứng với trọng trách họ được giao. Do đó, cần xây dựng chế độ tiền lương và các phúc lợi xã hội, bảo hiểm nghề nghiệp, khen thưởng, vinh danh của Thẩm phán riêng biệt. Trong đó, quy định một cách toàn diện về chế độ, chính sách khác thể hiện tính đặc thù và không dựa trên bậc lương của công chức hành chính; có chính sách đãi ngộ về nhà ở công vụ đối với Thẩm phán khi thực hiện nhiệm vụ biệt phái. Hoàn thiện chế độ khen thưởng, vinh danh thẩm phán; quy định rõ tiêu chuẩn, điều kiện và thủ tục khen thưởng, vinh danh đối với thẩm phán, nâng cao niềm tự hào nghề nghiệp của Thẩm phán.

- Xây dựng cơ chế bảo vệ Thẩm phán

+ Bổ sung quy định về quyền miễn trừ của Thẩm phán.

+ Xây dựng cơ chế chính sách người có công đối với Thẩm phán bị tổn hại sức khỏe, tính mạng vì lý do thực hiện công vụ.

+ Xây dựng cơ chế thông báo, giải thích đối với những tố cáo không có thực nhằm vào Thẩm phán.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về chế độ tiền lương, chính sách đãi ngộ đối với Thẩm phán theo hướng xác định khung lương đối với từng chức danh, tiến tới xây dựng chế độ tiền lương và các phúc lợi xã hội, bảo hiểm nghề nghiệp, khen thưởng, vinh danh của Thẩm phán riêng biệt.

*c) Đối với công chức Tòa án khác*

- Đề nghị cải cách chế độ chính sách tiền lương của cán bộ công chức Tòa án phù hợp với đặc thù hoạt động chuyên môn. Chế độ tiền lương, phụ cấp đối với các chức danh tư pháp khác cần được quy định theo ngạch, bậc lương riêng biệt. Đồng thời có các chế độ đãi ngộ thỏa đáng để đáp ứng được yêu cầu công tác xét xử và tương xứng với vị trí, vai trò và tính chất hoạt động của Tòa án trong bộ máy nhà nước. Đối với Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án làm việc trong các Tòa án quân sự cần được áp dụng mức phụ cấp trách nhiệm như Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án nhân dân; bảo đảm cho tất cả công chức có chức danh tư pháp trong quân đội đều được hưởng phụ cấp đặc thù ngành.

- Đề nghị cân nhắc bố trí nhà công vụ để tạo điều kiện cho việc thực hiện luân chuyển cán bộ; đồng thời, cân nhắc việc tăng cường hỗ trợ kinh phí đối với cán bộ trong thời gian luân chuyển, biệt phái thực hiện công tác xét xử.

**3.1.4. Về việc thực hiện công tác thanh tra, giám sát Thẩm phán, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo**

- Để tạo thuận lợi cho công tác tiếp công dân, tránh trường hợp công dân bức xúc khi hỏi tiến độ, thông tin, kết quả giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm tại Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Văn phòng và Vụ Tổng hợp kết nối phần mềm theo dõi việc nhận đơn, giải quyết đơn giám đốc thẩm tại Tòa án

nhân dân tối cao cho Ban Thanh tra để phục vụ công tác tiếp công dân, cung cấp thông tin cho công dân đến làm việc theo đúng quy định của pháp luật.

- Nghiên cứu để điều chỉnh lại nhiệm vụ tiếp công dân của Tòa án nhân dân tối cao về một đầu mối với bộ phận tiếp nhận, xử lý đơn hành chính tư pháp, bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tiếp công dân, phù hợp với yêu cầu đổi mới thủ tục hành chính tư pháp mà Tòa án nhân dân tối cao đang triển khai thực hiện mà còn tạo thuận lợi trong việc quản lý, theo dõi, phân loại và cuối cùng là việc giải quyết nhanh các yêu cầu của người gửi đơn. Tránh việc đơn đi lòng vòng, chỉ một đơn nhưng nhiều nơi xử lý, quản lý, theo dõi...

- Đề nghị sớm hoàn thiện phần mềm Giám sát Thẩm phán để phục vụ công tác giám sát Thẩm phán theo quy định. Xây dựng Quy chế về giám sát Thẩm phán Tòa án nhân dân các cấp (trừ Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao);

- Quy định chặt chẽ trình tự, thủ tục, điều kiện chấm dứt việc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động tố tụng tại Tòa án, nhất là đối với kiến nghị, đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Tăng cường công tác tập huấn về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo; công tác kê khai tài sản, thu nhập; công tác giám sát Thẩm phán; công tác thanh tra kiểm tra trong hệ thống Tòa án nhân dân.

- Nghiên cứu, đổi tên gọi “Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao” thành tên gọi “Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao”; quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Tòa án nhân dân Tòa án nhân dân tối cao đáp ứng yêu cầu chung của Tòa án, xu hướng cải cách tư pháp đang được xây dựng trình Bộ Chính trị.

### **3.1.5. Về Hợp tác quốc tế**

Đề nghị bổ sung vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân (sửa đổi) một Phần về Hợp tác quốc tế. Theo đó quy định cụ thể về các vấn đề như: Phạm vi hợp tác quốc tế trong hoạt động của Tòa án nhân dân; Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong hoạt động của Tòa án nhân dân và Tòa án nhân dân có thẩm quyền về hợp tác quốc tế với nước ngoài.

### **3.1.6. Về cơ sở vật chất, kinh phí hoạt động của các Tòa án nhân dân**

- Về quy trình phân bổ ngân sách cho hệ thống Tòa án: Nghiên cứu, ban hành quy định Tòa án nhân dân tối cao có trách nhiệm đề xuất dự toán ngân sách hàng năm của toàn hệ thống, trình Quốc hội xem xét, thông qua. Toàn bộ ngân sách hoạt động của hệ thống Tòa án do Quốc hội phân bổ cho Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao chịu trách nhiệm phân bổ cho Tòa án các cấp. Cơ chế này là phù hợp với cơ chế phân bổ biên chế đối với Tòa án (hiện nay do Quốc hội quyết định); đồng thời, khắc phục triệt để tình trạng phụ thuộc tài chính của Tòa án các cấp đối với Chính quyền địa phương. Cơ chế phân bổ ngân sách này sẽ góp phần giúp các Tòa án giảm bớt những khó khăn về nguồn lực, thực hiện có hiệu

quả các nhiệm vụ thường xuyên cũng như các yêu cầu, nhiệm vụ mới của cải cách tư pháp, đặc biệt là bảo đảm tính độc lập của Tòa án.

- Về định mức chi hoạt động thường xuyên của Tòa án: Quy định định mức phân bổ ngân sách hoạt động thường xuyên cho các Tòa án nhân dân theo hướng mỗi cấp, mỗi loại Tòa án có một định mức riêng sau khi tính đủ các chi phí bảo đảm cho hoạt động của đơn vị; giao thẩm quyền cho Quốc hội (Ủy ban Thường vụ Quốc hội) quyết định định mức chi bảo đảm hoạt động thường xuyên cho Tòa án nhân dân.

- Về chế độ chi cho các nhiệm vụ đặc thù của Tòa án: Quy định riêng về kinh phí chi đặc thù bên cạnh định mức chi thường xuyên (có thể tính theo định biên) và được Quốc hội (Ủy ban Thường vụ Quốc hội) phê duyệt theo yêu cầu nhiệm vụ của từng thời kỳ trên cơ sở đề nghị của Tòa án nhân dân tối cao.

- Xây dựng và triển khai Đề án tổng thể về cải tạo, mở rộng trụ sở và trang bị nội thất phòng xử án đảm bảo khang trang, hiện đại, đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng Công nghiệp lần thứ tư. Phần đầu trong giai đoạn 2021-2030 hoàn thành công tác đầu tư, xây dựng các trụ sở làm việc Tòa án nhân dân cấp tỉnh; đẩy nhanh việc áp dụng công nghệ thông tin; ưu tiên trang bị phương tiện phục vụ công tác xét xử theo tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng XIII. Trong đó:

+ Thực hiện tốt công tác quy hoạch tổng thể các trụ sở làm việc của hệ thống Tòa án cả nước.

+ Xây dựng Chiến lược tổng thể về phát triển công nghệ thông tin của Tòa án và Đề án Tòa án điện tử hướng tới Tòa án số ở Việt Nam; nghiên cứu, triển khai một số đề án, dự án quan trọng khác như: Đề án trang bị thiết bị công nghệ thông tin cho phòng xét xử của Tòa án các cấp để thực hiện việc nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh nội dung hỏi cung bị can tại phiên Tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Dự án mua sắm, lắp đặt trang thiết bị cho trung tâm dữ liệu và hệ thống giám sát an ninh mạng của Tòa án nhân dân; Đề án quy hoạch tổng thể và hiện đại hóa kho lưu trữ hồ sơ Tòa án nhân dân các cấp...

+ Tiếp tục kiện toàn cơ cấu tổ chức, địa vị pháp lý và nguồn nhân lực của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu xây dựng, quản lý, vận hành Tòa án điện tử ở Việt Nam.

- Bảo đảm cấp đủ kinh phí để thực hiện Đề án trang bị cơ sở vật chất phục vụ thi hành Luật Hòa giải, đối thoại tại hệ thống Tòa án nhân dân, Đề án trang bị phương tiện làm việc giai đoạn IV, Đề án bảo trì sửa chữa trụ sở làm việc và hệ thống phòng xét xử giai đoạn I (2022-2026) và các Đề án khác của hệ thống Tòa án nhân dân.

- Bố trí quỹ đất cho hệ thống Tòa án nhân dân thực hiện việc đầu tư, xây dựng, cải tạo, mở rộng trụ sở làm việc và hệ thống phòng xét xử.

- Xây dựng cơ sở pháp lý về cơ chế sử dụng nguồn ngân sách địa phương hỗ trợ và nguồn kinh phí hợp pháp khác

+ Theo tinh thần Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị đã có chủ trương để địa phương hỗ trợ ngân sách địa phương từ phần vượt thu, nhưng do chưa được thể chế hóa bằng văn bản quy phạm pháp luật nên các địa phương còn chưa có cơ sở để thực hiện (mặc dù có nhiều địa phương có khả năng về ngân sách sẵn sàng hỗ trợ kinh phí cho Tòa án nhân dân). Do vậy, cần thể chế hóa chủ trương trên của Đảng thành các quy định này trong Luật Ngân sách Nhà nước và không chỉ giới hạn ở phần nguồn vượt thu mà nên mở rộng cả các nguồn hợp pháp khác do Ủy ban nhân dân các địa phương cân đối.

- Xây dựng cơ chế cho phép hệ thống Tòa án nhân dân được sử dụng nguồn thu từ án phí, lệ phí Tòa án và nguồn thu từ các vụ án hình sự trong một số năm để tạo nguồn kinh phí đẩy nhanh tiến độ tái đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản... của Tòa án nhân dân các cấp.

- Quy định mới về giao kinh phí dự phòng trong năm theo hướng: Nhà nước giao ngân sách hàng năm cho các Tòa án nhân dân, có từ 02% đến 4% kinh phí dự phòng trên tổng chi thường xuyên. Thẩm quyền quyết định sử dụng chi sẽ do Bộ Tài chính thống nhất với Tòa án nhân dân tối cao trình Chính phủ quyết định. Dự phòng ngân sách nhà nước sử dụng để: a) Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán; b) Chi hỗ trợ cho ngân sách cấp dưới để thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a khoản này, sau khi ngân sách cấp dưới đã sử dụng dự phòng cấp mình để thực hiện nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu.

- Bổ sung quy định cho phép hệ thống Tòa án nhân dân được sử dụng nguồn thu từ án phí, lệ phí Tòa án và nguồn thu từ các vụ việc để tạo nguồn kinh phí đẩy nhanh tiến độ tái đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện làm việc, mua sắm, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn tài sản... của Tòa án nhân dân các cấp. Góp phần tạo động lực thúc đẩy và nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác xét xử.

### ***3.1.7. Về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Tòa án nhân dân***

- Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Tòa án, tạo lập đầy đủ các điều kiện về cơ chế, chính sách, môi trường pháp lý để hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin hoạt động đồng bộ, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin.

- Ưu tiên, đảm bảo kinh phí để nâng cao hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của Tòa án nhân dân, xây dựng Tòa án điện tử tiến tới Tòa án số.

- Bố trí thêm nguồn nhân lực về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu thực hiện, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn hệ thống; hình thành tổ chức bộ máy từ Tòa án nhân dân tối cao đến các Tòa án nhân dân cấp tỉnh để vận hành hệ thống công nghệ thông tin; trong đó, tập

trung tổ chức lại Trung tâm tin học từ đơn vị cấp phòng thành đơn vị cấp cục, vụ để nâng tầm nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục quy định việc đảm bảo kịp thời ứng dụng công nghệ thông tin là một trong các tiêu chí bắt buộc để đánh giá thành tích thi đua khen thưởng của tập thể, cá nhân.

Trên đây là Báo cáo tổng kết thực tiễn thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Như kính trình;
- Chánh án TANDTC (để b/c);
- Ủy ban Pháp luật của Quốc hội;
- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Nội chính TW;
- Ban Chỉ đạo CCTPTW;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, Vụ PC&QLKH (TANDTC).

**KT. CHÁNH ÁN  
PHÓ CHÁNH ÁN THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Trí Tuệ**